

THÁNG 12/2023



BÁO CÁO PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT

**Mức nhận thức, sự sẵn sàng và nhu cầu
đào tạo năng lực của các doanh nghiệp tham gia
ETS và Thị trường Các-bon tại Việt Nam**

Mục lục

Tóm tắt.....	5
Các phát hiện chính	5
Các quan điểm về giao dịch phát thải	6
Các đề xuất chiến lược	6
1. Giới thiệu	8
1.1. Bối cảnh	8
1.2. Cách tiếp cận	9
1.3. Phạm vi của báo cáo.....	10
1.4. Hạn chế của khảo sát.....	11
2. Phân tích hồ sơ phát thải của các doanh nghiệp tham gia khảo sát	12
2.1. Phân loại doanh nghiệp tham gia khảo sát dựa trên lĩnh vực và ngành nghề	12
2.2. Phân bố địa lý của các doanh nghiệp tham gia khảo sát	13
2.3. Hồ sơ phát thải của doanh nghiệp tham gia khảo sát.....	15
3. Phân tích thực trạng mức độ nhận thức, sự sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon tại Việt Nam của các doanh nghiệp tham gia khảo sát.....	18
3.1. Khung đánh giá mức độ sẵn sàng	18
3.2. Kết quả định tính và phân tích các chỉ số/khía cạnh mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp	19
3.2.1. Năng lực MRV	19
3.2.2. Nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon	23
3.2.3. Tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK.....	25
3.2.4.	28
Sự sẵn sàng tham gia ETS.....	28
3.3. Tổng quan mức độ sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon của các doanh nghiệp được khảo sát	30
3.4. So sánh mức độ sẵn sàng giữa các nhóm công ty tham gia khảo sát.....	30
3.4.1. Theo ngành.....	30
3.4.2. Theo lĩnh vực	31
3.4.4. Theo loại công ty	35
4. Quan điểm về ETS của các công ty tham gia khảo sát	37
5. Tóm tắt những đánh giá định tính và các đề xuất.....	39
5.1. Tóm tắt đánh giá định tính.....	39
5.2. Khuyến nghị và các bước tiếp theo cho dự án	43
Phụ lục	43

Phụ lục 1: Bảng câu hỏi khảo sát.....	43
Phụ lục 2: Danh sách doanh nghiệp đăng ký tham gia khóa đào tạo	54

Danh mục hình

Hình 1: Phân loại các công ty tham gia khảo sát theo lĩnh vực	13
Hình 2: Phân bố các công ty tham gia khảo sát theo địa lý	14
Hình 3: Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát theo từng vùng	15
Hình 4: Lượng phát thải của các công ty theo cấp độ phát thải	16
Hình 5: Lượng phát thải của các công ty Việt Nam và công ty có vốn FDI	17
Hình 6: Lượng phát thải của các công ty theo lĩnh vực sản xuất	17
Hình 7: Câu hỏi A6. Công ty của bạn đã thực hiện kiểm kê KNK chưa và được thực hiện như thế nào?	19
Hình 8: Câu hỏi C1. Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu sử dụng nhiên liệu nhằm tính toán mức tiêu thụ năng lượng của công ty chưa?	20
Hình 9: Câu hỏi C2. Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu nhằm tính toán lượng phát thải KNK chưa?	21
Hình 10: Câu hỏi C3. Công ty của bạn đã thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê phát thải KNK chưa?	22
Hình 11: Câu hỏi C4. Công ty bạn đã thuê bên thứ ba để thẩm định báo cáo kiểm kê KNK của công ty chưa?	23
Hình 12: Câu hỏi B4. Bạn hiểu về ETS và Thị trường các-bon ở mức độ nào?	24
Hình 13: Các công ty có kinh nghiệm định giá các-bon	24
Hình 14: Câu hỏi C5. Công ty của bạn đã công bố lượng phát thải KNK của mình chưa?	25
Hình 15: Câu hỏi C6. Công ty của bạn đã có kế hoạch giảm lượng phát thải KNK chưa?	26
Hình 16: Câu hỏi C7. Công ty của bạn đã áp dụng bất kỳ biện pháp nào về các hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả sau đây vào hoạt động kinh doanh và vận hành?	27
Hình 17: Các giải các hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả được các công ty triển khai	28
Hình 18: Số lĩnh vực đào tạo năng lực được cho là cần thiết cho việc tham gia ETS	29
Hình 19: Các lĩnh vực nâng cao năng lực được yêu cầu bởi các công ty	29
Hình 20: Tổng quan cấp độ sẵn sàng tham gia ETS của các công ty tham gia khảo sát	30
Hình 21: Sự sẵn sàng của các công ty (phân chia theo ngành)	31
Hình 22: Sự sẵn sàng giữa các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng có tiềm năng tham gia ETS tại Việt Nam đầu tiên	32
Hình 23: Sự sẵn sàng giữa các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng không có tiềm năng tham gia ETS tại Việt Nam đầu tiên	33
Hình 24: Sự sẵn sàng của các công ty thuộc các lĩnh vực hàng xuất khẩu	34
Hình 25: Sự sẵn sàng của các nhóm công ty dựa theo hồ sơ phát thải	35
Hình 26: Sự sẵn sàng giữa các công ty FDI và các công ty không có FDI	36
Hình 27: Sự sẵn sàng của các doanh nghiệp FDI dựa theo hồ sơ phát thải	37
Hình 28. Quan điểm của các công ty về ETS	38
Hình 29. Ý kiến của các công ty về tác động của ETS	39
Hình 30. Mốc thời gian thực hiện yêu cầu báo cáo khí nhà kính và năng lượng theo Nghị định 06/2022/ND-CP	41

Danh mục bảng

Bảng 1. Khung đánh giá mức độ nhận thức và sẵn sàng.....	18
Bảng 2. Các mốc thời gian lập kế hoạch và thực hiện ETS ở một số quốc gia ở Châu Á	40
Bảng 3. Năng lực hiện tại và tương lai của công ty cần có để tuân thủ Nghị định 06/2022/ND-CP và ETS trong tương lai.....	42

Danh mục từ viết tắt

BAU	Kịch bản phát thải thông thường
CO ₂ tđ	CO ₂ tương đương
CTX	Sàn giao dịch Các-bon
DCC	Cục Biến đổi Khí hậu
EE	Hiệu quả năng lượng
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp
ETS	Hệ thống giao dịch phát thải
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KNK	Khí nhà kính
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
HTKT	Hỗ trợ Kỹ thuật
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MRV	Giám sát, Báo cáo và Thẩm định
NDC	Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định
NAMA	Các Hành động Giảm nhẹ phát thải Khí nhà kính phù hợp với điều kiện Quốc gia
QA/QC	Kiểm soát chất lượng/Đảm bảo chất lượng
SPI-NDC	Hỗ trợ lên kế hoạch và thực hiện Đóng góp do Quốc gia Tự quyết định tại Việt Nam
TOE	Tấn dầu tương đương
UNFCCC	Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ

Tóm tắt

Trong khuôn khổ dự án “Đào tạo và mô phỏng Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải (ETS) tại Việt Nam” được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) phối hợp cùng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT), báo cáo này đưa ra các phân tích về sự sẵn sàng của các doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc tham gia thị trường các-bon và hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải (ETS) trong nước dựa trên kết quả khảo sát đã được thực hiện. Kết quả khảo sát được sử dụng là dữ liệu đầu vào cho việc xây dựng Kế hoạch tham gia của các bên liên quan chi tiết nhằm tiếp cận và kêu gọi sự tham gia của các nhóm đối tượng mục tiêu, đồng thời cũng cung cấp thông tin về nội dung của các khóa đào tạo. Phần Tóm tắt sẽ cung cấp phương pháp tiếp cận, các phát hiện, và những đề xuất mang tính chiến lược được đúc kết từ kết quả khảo sát.

Về phương pháp luận, nhiệm vụ được mô tả trong báo cáo này bao gồm một khảo sát chi tiết tập trung vào sự sẵn sàng, hiểu biết và mức độ nhận thức của các doanh nghiệp về ETS. Đối tượng chính của khảo sát là 537 doanh nghiệp có lượng phát thải hàng năm trên 10.000 tấn CO₂tđ thuộc lĩnh vực công thương, xây dựng, tài nguyên môi trường và giao thông vận tải được xác định trong Nghị định 06/2022/NĐ-CP. Khảo sát được thiết kế một cách toàn diện nhưng vẫn dễ tiếp cận với 34 câu hỏi gồm nhiều nhóm nội dung đa dạng, bao gồm: mức độ nhận thức và hiểu biết về ETS và thị trường các-bon; sự sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon của doanh nghiệp; và các nhu cầu xây dựng năng lực. Công văn từ Cục Biến đổi Khí hậu đã hỗ trợ cho khảo sát này, đồng thời giúp thúc đẩy sự tham gia từ các doanh nghiệp.

Các phát hiện chính

Trong số 537 công ty là đối tượng của khảo sát dựa trên hồ sơ phát thải và lượng phát thải CO₂tđ hàng năm vượt ngưỡng 10.000 tấn, 237 công ty (chiếm 44%) có câu trả lời hợp lệ, gồm 202 công ty thuộc lĩnh vực công thương, 22 công ty thuộc lĩnh vực xây dựng, 9 công ty thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường cùng 4 công ty thuộc lĩnh vực giao thông vận tải. Bốn lĩnh vực này bao gồm 14 tiểu lĩnh vực gồm năng lượng; chế biến thực phẩm; may mặc và dệt may; sản xuất cơ khí; sản xuất điện tử; giày và da giày; giấy và bột giấy; hóa chất; khai thác khoáng sản; luyện kim; nhựa và cao su; sản xuất vật liệu xây dựng (trừ xi măng); xi măng và các lĩnh vực khác. Khoảng 50% các công ty tham gia khảo sát có vốn đầu tư nước ngoài và 20% đã niêm yết trên sàn chứng khoán. Về phân bố địa lý, các công ty được khảo sát được phân bố tương đối đồng đều tại miền Bắc và miền Nam, với số lượng ít hơn công ty ở miền Trung. Nhìn chung, khảo sát đưa ra số lượng câu trả lời đủ để mang tính đại diện cho việc đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia ETS của các công ty được khảo sát và lựa chọn các doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về ETS được triển khai trong phạm vi Hỗ trợ kỹ thuật này.

Dựa trên thang đo được sử dụng, khảo sát đã làm rõ các cấp độ sẵn sàng của các doanh nghiệp tham gia trả lời câu hỏi với 5 cấp độ từ rất thấp đến rất cao, với các câu trả lời

cho thấy xu hướng sẵn sàng của doanh nghiệp chỉ đạt ở mức thấp. Bằng cách phân loại kết quả theo các nhóm lĩnh vực và ngành nghề sản xuất, báo cáo cho thấy các doanh nghiệp thuộc ngành giao thông vận tải có năng lực nhỉnh hơn các nhóm ngành khác ở các khía cạnh như năng lực giám sát, báo cáo và thẩm định (MRV), tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK và mong muốn tham gia vào thị trường. Tuy nhiên, kết quả chính thể hiện mức độ nhận thức và hiểu biết tương đối thấp về ETS cũng như thị trường các-bon ở tất cả các lĩnh vực.

Phân tích còn cho thấy các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có sự sẵn sàng vượt trội hơn các công ty không có vốn FDI. Nguyên nhân được cho là đến từ sự tiếp cận của các doanh nghiệp này với các công nghệ hiện đại và sức ép từ thị trường quốc tế. Đây là một khoảng cách rõ ràng trong năng lực MRV giữa các nhóm – “hòn đá tảng” cản trở việc tham gia ETS của các doanh nghiệp.

Tổng lượng phát thải từ các doanh nghiệp được khảo sát chiếm gần ¼ lượng phát thải dự kiến của Việt Nam trong kịch bản phát thải thông thường (BAU) năm 2020, cho thấy tác động đáng kể mà các công ty này có thể tác động đến tổng phát thải quốc gia.

Các quan điểm về giao dịch phát thải

Các công ty được khảo sát đều có góc nhìn hai chiều khi cho rằng ETS vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các doanh nghiệp. Có 166 trên tổng số 237 công ty – cho rằng ETS “vừa là cơ hội, vừa là thử thách cho công ty của họ”; trong khi đó, 14 doanh nghiệp cho rằng ETS chỉ là thách thức, và 16 doanh nghiệp coi đây là cơ hội lớn. Bên cạnh đó, vẫn còn 41 doanh nghiệp cho biết họ không có đủ thông tin để đánh giá nội dung này. Các doanh nghiệp đều thống nhất rằng việc tham gia ETS sẽ giúp tăng cường hiệu suất phát thải dài hạn và nâng cao tính cạnh tranh. Tuy nhiên, họ vẫn quan ngại về việc gia tăng chi phí tuân thủ trong ngắn hạn và các gánh nặng về vận hành còn tồn tại.

Từ kết quả khảo sát, có thể thấy mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp chỉ đạt dưới mức tối thiểu, được đánh giá dựa trên bốn khía cạnh gồm: (i) năng lực MRV; (ii) sự nhận thức về thị trường các-bon và chính sách về ETS; (iii) các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK; và (iv) các chức năng của thị trường ETS và vai trò của thực thể được quản lý. Phân tích cho thấy sự thiếu chuẩn bị này bắt nguồn từ thời gian lên kế hoạch cho ETS ngắn, cùng với đó là sự thiếu hụt về kiến thức nền tảng liên quan tới định giá các-bon và thị trường trước khi Nghị định 06/2022/NĐ-CP được ban hành.

Các đề xuất chiến lược

Từ kết quả phân tích khảo sát, có thể thấy các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực một cách toàn diện và mở rộng chính là chìa khóa dẫn đến thành công trong việc chuẩn bị cho ETS. Với nhận thức này, một số đề xuất được đưa ra nhằm tập trung vào một số nhu cầu cấp thiết như:

- Ưu tiên các doanh nghiệp phát thải lớn từ các lĩnh vực sản xuất chính sẽ phải tham gia ETS trong tương lai trong các sáng kiến về xây dựng năng lực.

- Mở rộng đào tạo bổ sung đối với các doanh nghiệp phát thải vừa và nhỏ cùng các công ty không có FDI trong phạm vi ETS tương lai để thúc đẩy tính thanh khoản và sự công bằng của thị trường.
- Tập trung vào những nỗ lực xây dựng năng lực trong tương lai đối với một số khu vực trọng yếu như vận hành ETS, thực thi, quy định pháp luật và chuẩn bị kiểm kê KNK.
- Triển khai mô hình tương tác liên tục để duy trì sự quan tâm của doanh nghiệp và tăng cường sự sẵn sàng theo thời gian.

Báo cáo nhấn mạnh sự cần thiết khi các doanh nghiệp chuyển đổi từ trạng thái “chờ xem” sang chủ động tiếp cận tham gia thí điểm ETS vào năm 2025 và vận hành chính thức năm 2028. Báo cáo còn kêu gọi sự cải tiến các quy định hiện hành để phù hợp với các yêu cầu thực thi ETS trong tương lai, nhấn mạnh vào quá trình chuyển dịch từ báo cáo tiêu thụ năng lượng sang báo cáo kiểm kê KNK toàn diện, và cao nhất là sự chủ động tham gia thị trường ETS.

Nhìn chung, nghiên cứu này trình bày điển hình về các biện pháp tăng cường xây dựng năng lực cùng với chiến lược truyền thông rõ ràng của chính phủ để làm rõ chính sách và quy định của ETS. Báo cáo xác định nhu cầu cấp thiết về sự thay đổi mô hình giữa các công ty Việt Nam, thúc đẩy họ thu hẹp khoảng cách về sự sẵn sàng và tự chuẩn bị để tham gia ETS hiệu quả. Quá trình chuyển đổi này không chỉ quan trọng trong việc tuân thủ Nghị định 06/2022/NĐ-CP đang có hiệu lực mà còn rất quan trọng đối với các cam kết rộng hơn về khí hậu và tham vọng về thị trường các-bon của Việt Nam.

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh

Hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) “Đào tạo và mô phỏng Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải (ETS) tại Việt Nam” nằm trong khuôn khổ các hoạt động can thiệp của Chương trình Đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) nhằm xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam. Mục tiêu chính của hỗ trợ này là tổ chức một chuỗi các khóa đào tạo về ETS và thị trường các-bon cho các bên liên quan bao gồm các nhà hoạch định chính sách, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tài chính, đại diện truyền thông và đặc biệt là các doanh nghiệp phát thải lớn sẽ tham gia vào ETS tại Việt Nam trong tương lai. Công việc yêu cầu trong HTKT này bao gồm 10 nhiệm vụ cụ thể:

- Nhiệm vụ 1: Soạn thảo Báo cáo khởi động và Kế hoạch làm việc
- Nhiệm vụ 2: Tổ chức Hội thảo Khởi động
- Nhiệm vụ 3: Tiến hành phân tích, khảo sát, tham vấn các bên liên quan về sự sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp về phát thải/giảm phát thải KNK và Thị trường các-bon
- Nhiệm vụ 4: Xây dựng kế hoạch tham gia của các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm mục tiêu
- Nhiệm vụ 5: Chuẩn bị và cung cấp quyền truy cập để sử dụng công cụ mô phỏng các-bon phù hợp được thiết kế cho Việt Nam (về ngôn ngữ, đơn vị tiền tệ, năm, thời hạn, bù trừ, khung giá, lưu giữ và các cú sốc) để sử dụng trong HTKT
- Nhiệm vụ 6: Xây dựng trang web về ETS và thị trường các-bon
- Nhiệm vụ 7: Tổ chức các chuỗi đào tạo/hội thảo/diễn đàn về mô phỏng ETS
- Nhiệm vụ 8: Lập kế hoạch khóa tham quan học tập cho các cán bộ nhà nước về thị trường các-bon để tìm hiểu và trao đổi kiến thức quản trị và kinh nghiệm về ETS
- Nhiệm vụ 9: Soạn thảo báo cáo kỹ thuật tóm tắt kết quả các mô phỏng và đánh giá tác động
- Nhiệm vụ 10: Báo cáo cuối cùng và hội thảo tổng kết

Khảo sát về sự sẵn sàng tham gia ETS của các công ty tại Việt Nam thuộc Nhiệm vụ 3 của HTKT này. Các kết quả của khảo sát sẽ cung cấp những dữ liệu đầu vào liên quan cho sự phát triển kế hoạch tương tác chi tiết với các bên liên quan để tiếp cận và thu hút các nhóm đối tượng mục tiêu, đồng thời cung cấp các đánh giá định lượng cho việc tổ

chức và lên cấu trúc phục vụ xây dựng nội dung các khóa đào tạo thuộc phạm vi HTKT này.

1.2. Cách tiếp cận

Trước khi xây dựng bảng hỏi, nghiên cứu tại bàn và tham vấn với các bên liên quan đã được thực hiện để xác định khoảng trống trong sự sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon, tập trung vào:

- Chính sách khí hậu trong nước và quốc tế liên quan đến xây dựng ETS tại Việt Nam.
- Các hoạt động đào tạo trước đây có liên quan tại Việt Nam và quốc tế tập trung vào cách tiếp cận, cấu trúc, nội dung và kết quả đào tạo.
- Kinh nghiệm quốc tế trong việc xác định đối tượng tham gia ETS.

Những thông tin thu thập được từ nghiên cứu tại bàn và tham vấn được sử dụng để xây dựng một khung đánh giá phục vụ việc đưa ra các câu hỏi chi tiết.

Bảng hỏi được xây dựng bao gồm 34 câu hỏi và chia thành 3 phần chính, bao gồm thông tin doanh nghiệp, mức độ hiểu biết và sẵn sàng của doanh nghiệp đối với ETS, và nhu cầu xây dựng năng lực. Độ dài và độ phức tạp về kỹ thuật của bảng hỏi được kiểm soát để đảm bảo dễ trả lời và đạt được sự phối hợp của người điền phiếu. Mẫu câu hỏi khảo sát chi tiết được thể hiện tại Phụ lục 1 của báo cáo này.

Một rà soát ban đầu đối với các nhóm đối tượng mục tiêu đã được thực hiện trước khi khảo sát được bắt đầu. Các doanh nghiệp mục tiêu là những công ty có hồ sơ phát thải lớn được liệt kê trong Quyết định 01/2022/QĐ-TTg. Trong Quyết định này, 1.912 doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê KNK bắt buộc và báo cáo cho Chính phủ là các doanh nghiệp có lượng phát thải hàng năm trên 3.000 tấn CO₂tđ hoặc tiêu thụ trên 1.000 TOE năng lượng. Trong số 1.912 doanh nghiệp này, có tới 1.357 công ty có mức phát thải trong khoảng từ 3,000 đến 10,000 tấn CO₂tđ, trong khi số doanh nghiệp có lượng phát thải hàng năm trên 10,000 tấn CO₂tđ là 537 (chiếm 28%). Vì số lượng học viên tham dự mỗi khóa đào tạo của HTKT này được giới hạn, khảo sát đã tập trung vào các công ty có khả năng phải tham gia ETS tại Việt Nam sau này, vì vậy, số lượng công ty được xác định cho khảo sát này là 537 công ty với lượng phát thải trên 10,000 tấn CO₂tđ. Về đại diện của từng lĩnh vực, có 438 doanh nghiệp trong số 537 doanh nghiệp được quản lý bởi Bộ Công Thương, 11 công ty thuộc sự quản lý của Bộ Giao thông vận tải (GTVT), 62 công ty thuộc sự quản lý của Bộ Xây dựng, và 26 công ty xử lý chất thải thuộc quản lý của Bộ TN&MT. Điều này cho thấy rõ ràng sự đóng góp của các lĩnh vực vào lượng phát thải KNK quốc gia (cụ thể: 66% là lĩnh vực năng lượng, 20% là lĩnh vực Nông nghiệp, 15% là lĩnh vực quá trình công nghiệp, 6% thuộc lĩnh vực chất thải và -7% thuộc lĩnh vực LULUCF trong lượng phát thải KNK năm 2020 trong bản cập nhật Đóng góp do Quốc gia

tự quyết định của Việt Nam năm 2022 (NDC 2022¹). Xét phân bố địa lý của các công ty, có 236 công ty ở miền Bắc, 220 công ty ở miền Nam và 81 công ty ở miền Trung của Việt Nam. Ngoài ra, các công ty thể hiện sự quan tâm tới các khóa đào tạo trong buổi Hội thảo khởi động cũng được bao gồm trong danh sách này.

Để tạo điều kiện cho việc triển khai khảo sát và đảm bảo sự hợp tác của các công ty, một Công văn từ Cục Biến đổi Khí hậu (Cục BĐKH) đã được ban hành và gửi kèm với bảng câu hỏi khảo sát.

Khảo sát được bắt đầu từ ngày 15/11/2023 với 555 bảng hỏi được gửi qua đường bưu điện tới nhóm đối tượng mục tiêu và các công ty đã thể hiện sự quan tâm về khóa đào tạo tại Hội thảo khởi động. Để đảm bảo mức độ phản hồi và sự dễ dàng trả lời câu hỏi của các công ty, 618 thư điện tử tới cho các công ty mục tiêu (bao gồm email cá nhân của những người liên quan để tăng mức độ tiếp cận). Cách triển khai này đem lại nhiều lựa chọn trả lời câu hỏi khảo sát: gửi bản cứng qua đường bưu điện, gửi bản mềm điện tử qua email, hoặc trực tiếp điền phiếu khảo sát online qua mã QR đính kèm. Khảo sát kết thúc vào ngày 30/11/2023 để phục vụ việc thẩm định dữ liệu và phân tích kết quả.

Việc thẩm định dữ liệu và tổng hợp được thực hiện song song. Nhóm tư vấn đã gọi điện cho các công ty chưa có đủ dữ liệu và hoặc cung cấp số liệu sai/chưa hợp lý để xác nhận. Các câu trả lời bị trùng lặp từ cùng một công ty đã được xóa. Các công ty có nhiều đáp án khác nhau sẽ được liên hệ để xác nhận những thông tin chính xác nhất và kết quả cuối cùng.

Trong quá trình thẩm định dữ liệu và phân tích, những câu trả lời từ đường bưu điện và thư điện tử được tổng hợp vào cơ sở dữ liệu. Cho tới thời điểm cơ sở dữ liệu để phân tích được hoàn thiện, đã có 270 thực thể trả lời khảo sát. Sau khi thẩm định và làm sạch dữ liệu để tránh sự trùng lặp, có tổng cộng 237 công ty đã có dữ liệu và câu trả lời hợp lệ phục vụ cho việc phân tích đánh giá dữ liệu, tương đương với mức độ phản hồi là 44%. Các câu trả lời đều có chất lượng tốt, với đa số câu trả lời khảo sát được điền đầy đủ bởi các công ty, các thông tin thiếu hoặc sai cũng được bổ sung và chỉnh sửa trong quá trình thẩm định.

1.3. Phạm vi của báo cáo

Phần đầu tiên của báo cáo cung cấp một bản tóm tắt các phát hiện chính từ khảo sát và những đề xuất cho độc giả và những đối tượng mục tiêu. Phần thứ hai giới thiệu về các mục tiêu cần đạt được của dự án và phạm vi công việc, mục tiêu chi tiết của Nhiệm vụ 3 và phương pháp luận cho việc triển khai khảo sát. Phần thứ ba mô tả sơ lược về các doanh nghiệp trả lời khảo sát. Phần thứ tư bàn về những phát hiện chính và phân tích đánh giá sự sẵn sàng của doanh nghiệp. Phần cuối cùng của báo cáo đề cập tới những

¹ Viet Nam Updated NDC 2022, https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%20Nam_NDC_2022_Eng.pdf

rào cản, hạn chế và thách thức đối với sự sẵn sàng và nhận thức của doanh nghiệp liên quan đến ETS, cùng với đó là những đề xuất cho các bước tiếp theo của HTKT này.

Phụ lục 1 đến 2 của báo cáo này cung cấp bảng hỏi khảo sát và danh sách công ty đăng ký tham gia các khóa đào tạo.

1.4. Hạn chế của khảo sát

Cần lưu ý rằng khảo sát này có một số hạn chế nhất định.

Đầu tiên, sự ngắn gọn và giới hạn về độ chi tiết của các câu hỏi khảo sát được thiết kế nhằm khuyến khích lượng trả lời cao hơn. Quyết định này được đưa ra dựa trên phát hiện rằng các câu hỏi dài và câu hỏi về kỹ thuật có thể làm hạn chế sự tham gia trả lời khảo sát, do người điền phiếu thường sẽ thấy các câu hỏi này rườm rà và tốn thời gian.

Thứ hai, khoảng thời gian hạn chế được phân bổ cho việc hoàn thành khảo sát đem lại một số thách thức và cản trở việc thu thập nhiều câu trả lời toàn diện hơn từ các công ty. Thời gian mở khảo sát ngắn để đảm bảo thời gian tổng thể của HTKT (lý do của việc lùi lịch là do quá trình phát hành công văn của DCC diễn ra khá dài, trong khi đó số liệu đầu vào của nhiệm vụ này đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác), khiến cho một số doanh nghiệp không kịp triển khai do quy trình trả lời khảo sát của các công ty này khá phức tạp. Tuy nhiên, như đã được đề cập ở phần trước, với hơn 200 câu trả lời hợp lệ, khảo sát vẫn cung cấp được dữ liệu về mức độ sẵn sàng và nhận thức của các doanh nghiệp tại Việt Nam liên quan đến ETS.

Cuối cùng, bảng hỏi khảo sát được gửi cùng với công văn giới thiệu của Cục BĐKH, điều này có nghĩa là các câu trả lời có thể không thể hiện đúng mức độ quan tâm và sẵn sàng của người trả lời. Việc triển khai khảo sát dưới sự ủy quyền của một cơ quan quản lý có thể ảnh hưởng tới câu trả lời của các công ty, và nhiều khả năng sẽ làm nhiều kết quả thu được. Xét theo cấp độ cá nhân, việc tham gia của các công ty có thể là kết quả của việc thực thi chỉ đạo của Cục BĐKH hơn là thể hiện sự quan tâm và sẵn sàng từ nội tại doanh nghiệp. Do đó, không thể loại trừ ảnh hưởng tương đối nhỏ của công văn này đối với các câu trả lời khảo sát có thể gây nên sự đánh giá quá thấp hoặc quá cao về sự ủng hộ và sẵn sàng đối với ETS và cần được tính đến khi phân tích kết quả

Khi xét đến tính chất thực tế của đa số câu hỏi, sự thiên vị này bị giới hạn và không ảnh hưởng lớn đến sự ủng hộ và sẵn sàng chung của các doanh nghiệp dành cho ETS. Những người tham gia khảo sát cũng có thể coi cuộc khảo sát là cơ hội để bày tỏ mối lo ngại về ETS bằng cách chỉ ra mức độ sẵn sàng và hỗ trợ thấp. Do đó, nhìn chung, vẫn chưa rõ xu hướng tiềm ẩn sẽ diễn ra theo hướng nào, hoặc liệu bất kỳ xu hướng cường điệu hóa và đánh giá thấp sự sẵn sàng và hỗ trợ ETS thậm chí có thể loại trừ lẫn nhau hay không. Hơn nữa, tỷ lệ phản hồi khảo sát cao hơn là kết quả của việc khảo sát được gửi kèm theo công văn của DCC. Điều này giúp hạn chế bất kỳ sự thiên vị nào bằng cách mở rộng nhóm người trả lời và tính không đồng nhất của người tham gia khảo sát.

Tóm lại, hạn chế của khảo sát là sự ngắn gọn và đơn giản hóa của bảng câu hỏi, khung thời gian hạn chế được phân bổ để hoàn thành cuộc khảo sát và một số sai lệch có thể xảy ra do thư giới thiệu chính thức từ Cục BĐKH. Tất cả những hạn chế này đều xuất phát từ ý định có càng nhiều phản hồi càng tốt. Kết quả của hơn 200 doanh nghiệp tham gia khảo sát đã chứng minh sự đánh đổi là xứng đáng khi tỷ lệ phản hồi đạt 44%, cao gấp đôi tỷ lệ phản hồi cam kết trong báo cáo khởi động và cung cấp dữ liệu liên quan cần thiết để phân tích. Khảo sát đã cung cấp thước đo hữu ích về quan điểm và mong muốn độc lập của doanh nghiệp.

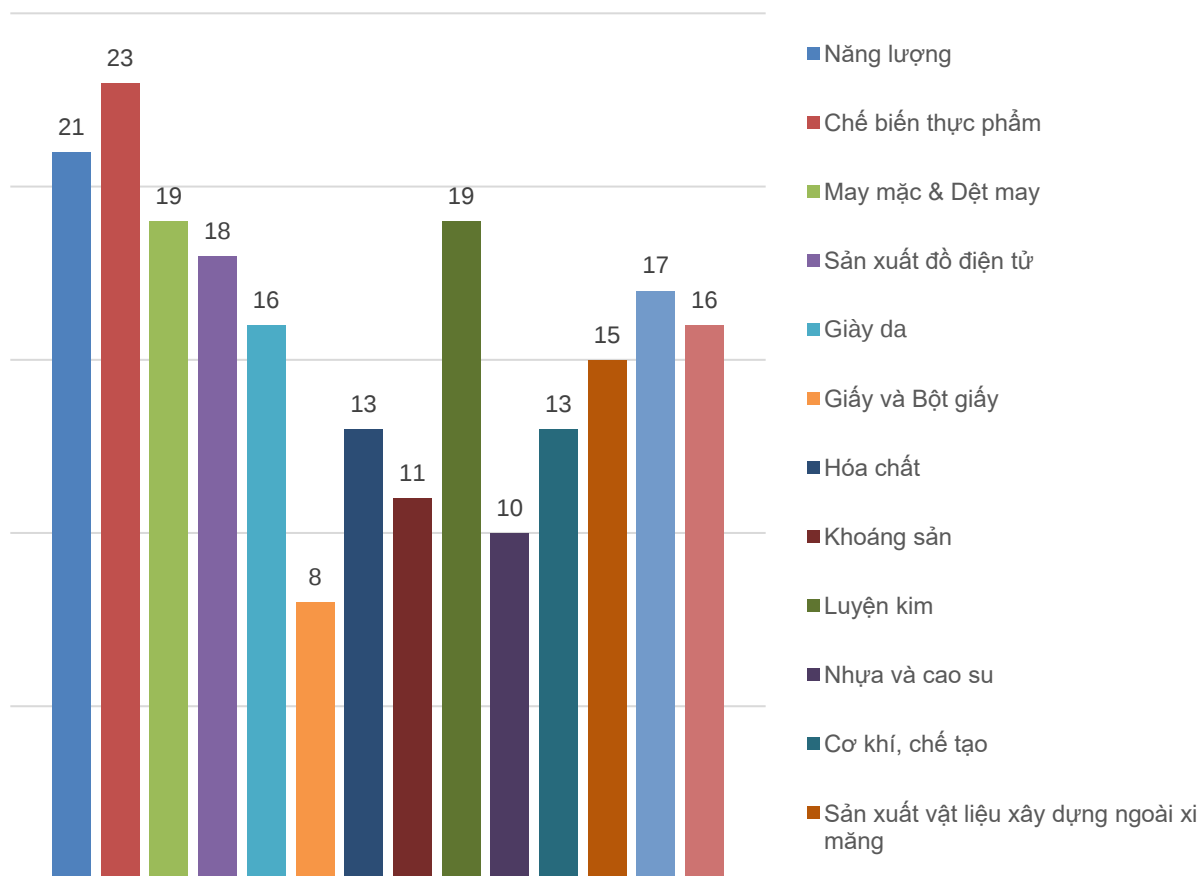
2. Phân tích hồ sơ phát thải của các doanh nghiệp tham gia khảo sát

2.1. Phân loại doanh nghiệp tham gia khảo sát dựa trên lĩnh vực và ngành nghề

Tổng quan, 44% của 537 công ty tiêu thụ năng lượng trọng điểm mục tiêu đã trả lời khảo sát. Xét trên khía cạnh phân bố về lĩnh vực ngành nghề và địa lý, khảo sát đã nhận được kết quả của hơn 30% số công ty nói trên cho mỗi lĩnh vực sản xuất và mỗi vùng, từ đó cung cấp một lượng mẫu đủ để mang tính đại diện để phục vụ đánh giá sự sẵn sàng của các công ty được khảo sát trong việc tham gia ETS, và cho việc lựa chọn học viên cho các khóa đào tạo về ETS. Đây là hai mục đích chính của khảo sát này.

Trong bốn nhóm doanh nghiệp chính được phân loại tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP, các công ty thuộc ngành công thương có số lượng vượt trội hơn hẳn so với các ngành khác với 202 doanh nghiệp, tiếp theo là ngành xây dựng với 22 công ty. Có tất cả 9 công ty thuộc ngành tài nguyên và môi trường (xử lý rác thải) và chỉ có 4 công ty thuộc ngành GTVT. Một lần nữa, sự phân bố này tương đồng với tỉ lệ đóng góp của các lĩnh vực sản xuất tới phát thải KNK quốc gia.

Có tất cả 14 nhóm lĩnh vực được xác định với sự phân bố được thể hiện trong biểu đồ dưới đây.



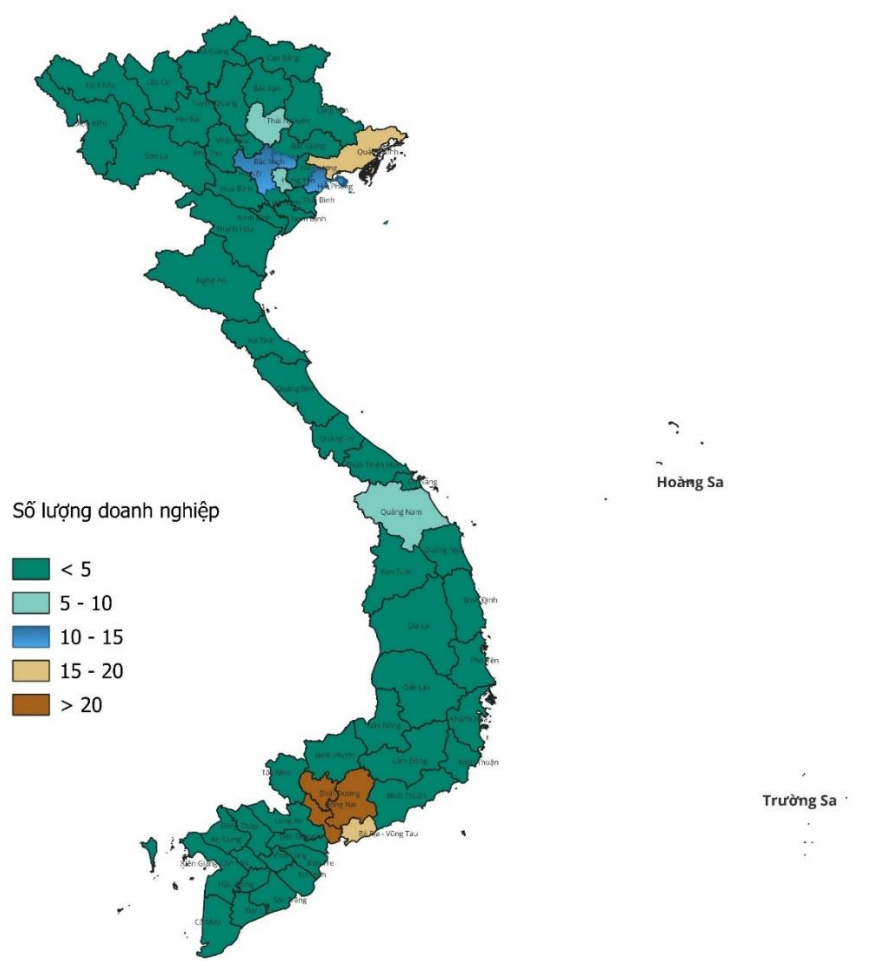
Hình 1: Phân loại các công ty tham gia khảo sát theo lĩnh vực

Dựa trên tên của các công ty đã được cung cấp trong khảo sát, nhóm Tư vấn đã xác định rằng có 47% công ty tham gia được xác định là công ty có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) hay công ty FDI, trong khi đó, 53% còn lại là công ty không có FDI.

Liên quan tới loại hình của các công ty trong danh sách, chỉ có 20% số doanh nghiệp tham gia đã niêm yết trên sàn chứng khoán.

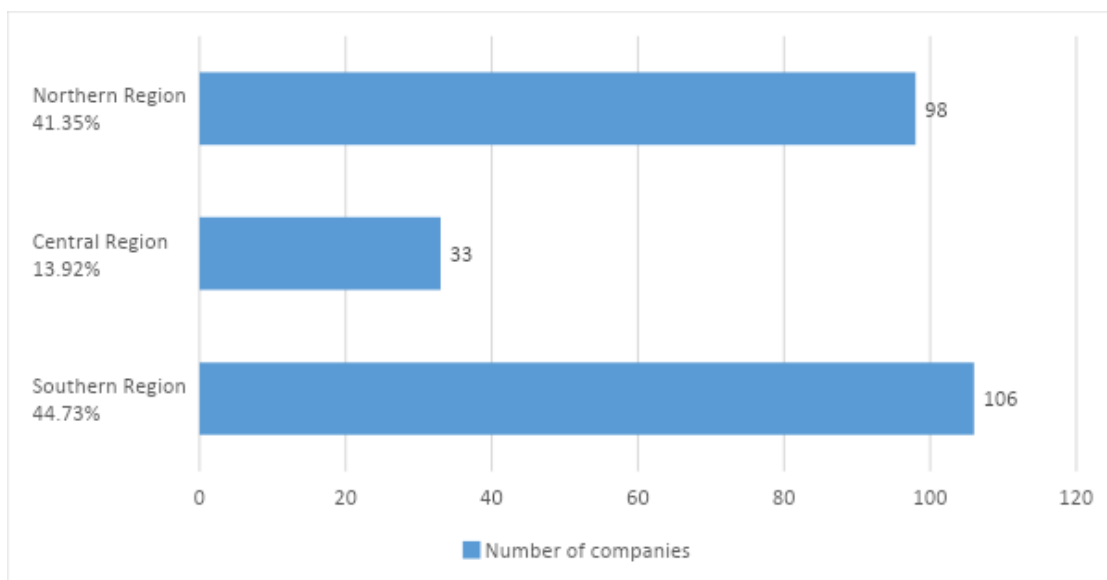
2.2. Phân bố địa lý của các doanh nghiệp tham gia khảo sát

Nơi có mật độ tập trung các doanh nghiệp tham gia khảo sát cao nhất là 3 tỉnh thành gồm TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương, với số lượng công ty tham gia khảo sát tương ứng là 26, 24 và 22. Ngoài 3 tỉnh thành này, dữ liệu còn chỉ ra Bà Rịa Vũng Tàu và Quảng Ninh là những tỉnh thành có lượng trả lời khảo sát lớn tiếp theo, với dao động từ 15 đến 20 công ty ở mỗi địa phương.



Hình 2: Phân bố các công ty tham gia khảo sát theo địa lý

Xét về sự phân bố theo khu vực địa lý, có tất cả 98 công ty tham gia khảo sát nằm ở khu vực phía Bắc, chiếm 41% tổng số câu trả lời. Số doanh nghiệp trả lời khảo sát tại miền Trung ít hơn với 33 công ty, chiếm 14% tổng số phiếu. Khu vực phía Nam là nơi có nhiều doanh nghiệp tham gia khảo sát nhất với 106 công ty (chiếm 45% tổng số phiếu). Sự phân bố địa lý này tương thích với chương trình đào tạo đã được đề xuất trong báo cáo khởi động. Với sự phân bố địa lý và mật độ này, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương là 3 địa điểm tiện lợi nhất cho việc tổ chức các khóa đào tạo ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam.



Hình 3: Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát theo từng vùng

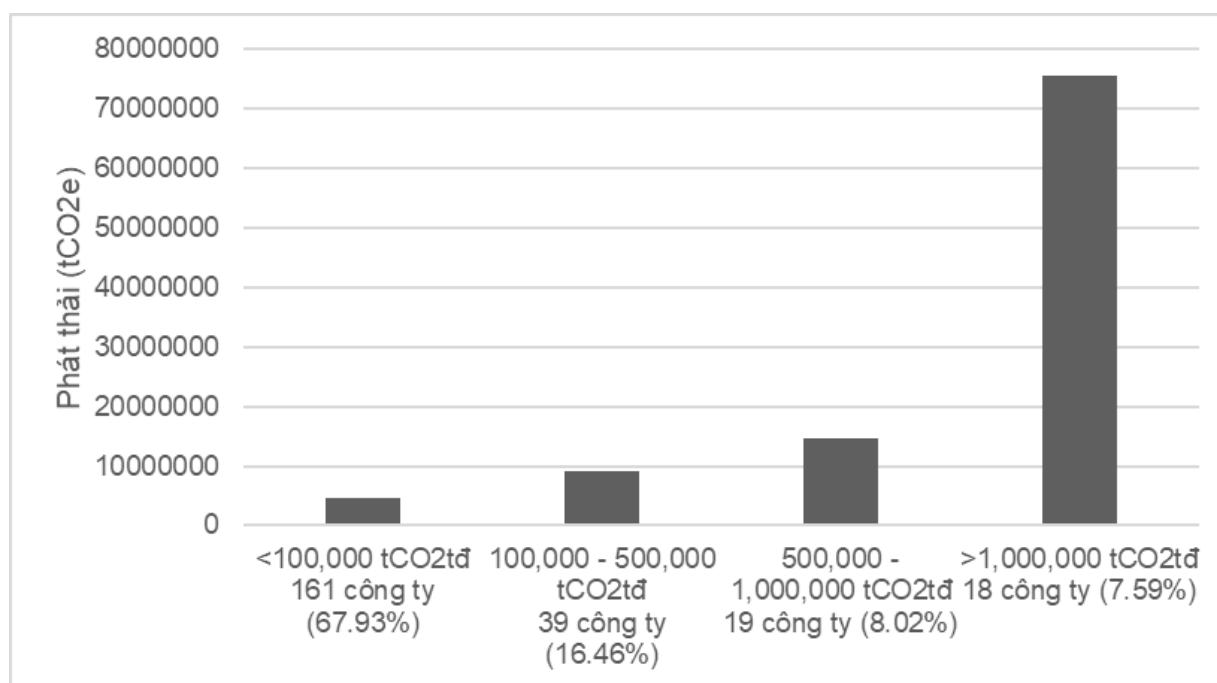
2.3. Hồ sơ phát thải của doanh nghiệp tham gia khảo sát

Trong khảo sát, các công ty được yêu cầu cung cấp số liệu về tổng lượng phát thải từ kết quả kiểm kê khí nhà kính (KNK) gần nhất của họ. Đối với các công ty chưa thực hiện kiểm kê KNK, họ sẽ phải cung cấp tổng lượng năng lượng tiêu thụ quy đổi sang tấn dầu tương đương (TOE) thay thế.

Kết quả khảo sát cho thấy có 76 công ty có thể cung cấp thông tin về lượng phát thải KNK, 119 công ty cung cấp số liệu TOE năng lượng tiêu thụ và 12 công ty không cung cấp số liệu về lượng năng lượng tiêu thụ. Đối với các công ty không cung cấp lượng năng lượng tiêu thụ gần nhất, nhóm Tư vấn sử dụng giá trị tiêu thụ năng lượng trong năm 2022 được cung cấp bởi Cục BĐKH để ước lượng lượng phát thải KNK. Các kết quả tính toán phát thải cho thấy tổng lượng phát thải của các công ty tham gia khảo sát đạt khoảng 103,960,382 tấn CO₂ tương đương (CO₂tđ), chiếm khoảng 20% tổng lượng phát thải KNK (528.4 triệu tấn CO₂tđ) trong bối cảnh Kịch bản Phát thải thông thường (BAU) của năm 2020 tại Việt Nam (được đề cập tới trong Báo cáo cập nhật Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam năm 2022²). Tổng lượng phát thải KNK ước tính của 237 công ty này gần bằng với tổng ước tính lượng phát thải KNK của 1.912 công ty được nêu trong Quyết định 01/2022/QĐ-TTg (là 114,024,399 tấn CO₂tđ). Cần lưu ý rằng số liệu được sử dụng trong Quyết định 01/2022/QĐ-TTg là số liệu cho năm 2020. Nguyên nhân có thể xảy ra là do lượng tiêu thụ năng lượng của các công ty trong năm 2020 đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ Covid-19.

² Báo cáo cập nhật Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) 2022, https://unfccc.int/sites/default/files/NDC/2022-11/Viet%20Nam_NDC_2022_Eng.pdf

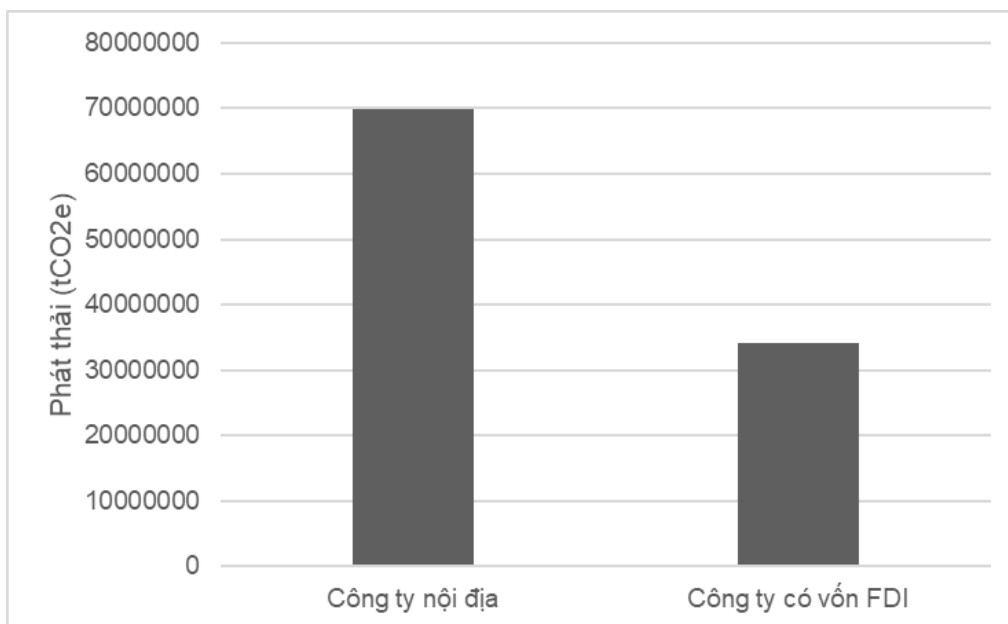
Dựa trên số liệu phát thải thu thập được từ các doanh nghiệp tham gia khảo sát, các công ty này được chia thành 4 nhóm cấp độ phát thải khác nhau. Phần lớn các công ty tham gia (chiếm khoảng 68%) là các công ty có lượng phát thải thấp hơn 100,000 tấn CO₂tđ, tuy nhiên họ chỉ đóng góp nhỉnh hơn 4% tổng lượng phát thải của tất cả các công ty. Ngược lại, các doanh nghiệp phát thải trên 1 triệu tấn CO₂tđ tuy chỉ chiếm 8% tổng số công ty tham gia khảo sát nhưng lại chiếm khoảng 73% tổng lượng phát thải (với 75,503,797.05 tấn CO₂tđ). Hơn 16% số doanh nghiệp khảo sát thuộc vào nhóm phát thải từ 100.000 đến 500.000 tấn CO₂tđ, đóng góp 9% tổng lượng phát thải. Các công ty phát thải từ 500,000 đến 1,000,000 tấn CO₂tđ chiếm 8% số doanh nghiệp tham gia với ít hơn 14% tổng lượng phát thải.



Hình 4: Lượng phát thải của các công ty theo cấp độ phát thải

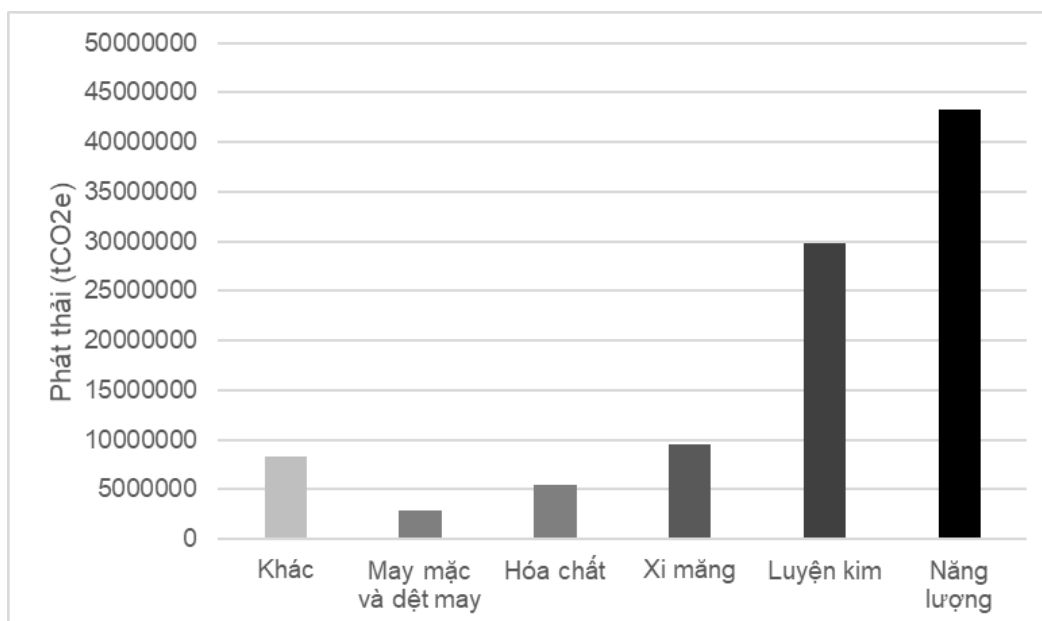
Thông qua lượng phát thải của các nhóm công ty được xác định ở trên, sự khác biệt trong lượng phát thải giữa các nhóm có thể dễ dàng được nhận thấy.

Hơn một nửa số công ty tham gia khảo sát là công ty không có vốn FDI. Các công ty này có lượng phát thải cao, chiếm hơn 67% tổng lượng KNK. Mặt khác, với số lượng chưa tới 50% tổng số công ty tham gia, các công ty FDI đóng góp lượng khí thải thấp hơn với 33% tổng lượng phát thải.



Hình 5: Lượng phát thải của các công ty Việt Nam và công ty có vốn FDI

Các công ty thuộc lĩnh vực năng lượng dù chỉ chiếm ít hơn 10% tổng số doanh nghiệp tham gia khảo sát nhưng lại có lượng phát thải KNK hơn 43 triệu tấn CO₂đ. Tiếp sau đó là lĩnh vực luyện kim với gần 30 triệu tấn CO₂đ, lĩnh vực sản xuất xi măng, hóa chất, dệt may và may mặc cùng các lĩnh vực khác chiếm tổng 63% số doanh nghiệp tham gia khảo sát, đóng góp khoảng 25% tổng lượng phát thải KNK.



Hình 6: Lượng phát thải của các công ty theo lĩnh vực sản xuất

3. Phân tích thực trạng mức độ nhận thức, sự sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon tại Việt Nam của các doanh nghiệp tham gia khảo sát

3.1. Khung đánh giá mức độ sẵn sàng

Một khung đánh giá mức độ sẵn sàng đã được xây dựng để đánh giá các cấp độ sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon tại Việt Nam trong tương lai dựa trên 4 khía cạnh, bao gồm: năng lực MRV; nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon; tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK và sự sẵn sàng tham gia ETS. Với mỗi khía cạnh đánh giá này, một bộ câu hỏi đã được xây dựng để đánh giá năng lực của các công ty một cách chi tiết. Khung đánh giá được cung cấp tại bảng bên dưới.

Bảng 1. Khung đánh giá mức độ nhận thức và sẵn sàng

Chiều đánh giá	Mã	Câu hỏi	Tỉ trọng	Hệ số điều chỉnh	Xếp hạng mức độ nhận thức và sẵn sàng				
					1	2	3	4	5
Năng lực MRV	C1	Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu sử dụng nhiên liệu nhằm tính toán mức tiêu thụ năng lượng của công ty chưa?	10%	1.00	C1.4	C1.3	C1.2	C1.1	
	C2	Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu nhằm tính toán lượng phát thải KNK chưa?	20%	1.00	C2.4	C2.3	C2.2	C2.1	
	C3	Công ty của bạn đã thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê phát thải KNK chưa?	50%	1.00	C3.4	C3.3	C3.2	C3.1	
	C4	Công ty của bạn đã thuê bên thứ ba để thẩm định báo cáo kiểm kê KNK của công ty chưa?	20%	1.00	C4.3	C4.2	C4.1		
	A6	Số liệu phát thải có sẵn được cung cấp trong khảo sát	10%	1.00	Số liệu ước tính theo TOE	Số liệu được tính toán theo TOE	Số liệu ước tính theo tấn KNK	Số liệu tự tính toán theo tấn KNK	Số liệu về KNK được tính toán bởi bên thứ ba
Nhận thức và hiểu biết về ETS và Thị trường Các-bon	B3	Bạn có biết Việt Nam đang phát triển thị trường các-bon và sẽ thí điểm sàn giao dịch các-bon (CTX) vào năm 2025 và chính thức vận hành CTX vào năm 2028?	10%	1.00	B3.2	B3.1			
	B4	Bạn hiểu về ETS và Thị trường các-bon ở mức độ nào?	40%	1.00	B4.1	B4.2	B4.3	B4.4	B4.5
	C9	Công ty của bạn có tham gia vào bất kỳ chương trình tín chỉ các-bon nào không (ví dụ: Cơ chế phát triển sạch, Cơ chế tín chỉ chung, Tiêu chuẩn vàng, Tiêu chuẩn các-bon được thẩm tra, Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế, v.v) và/hoặc các sáng kiến giảm nhẹ khí nhà kính (ví dụ NAMA, đô thị các-bon thấp, v.v.)?	50%	1.00	C9.2	C9.1			
Tham vọng giảm nhẹ phát thải	C5	Công ty của bạn đã công bố lượng phát thải KNK của mình cho công chúng hay trong các sáng kiến về ESG hoặc khí hậu (ví dụ: báo cáo phát triển bền vững) hoặc cho các hiệp hội ngành nghề (ví dụ: Hiệp hội Thép Thế giới) chưa?	20%	1.00	C5.3	C5.2	C5.1		
	C6	Công ty của bạn đã có kế hoạch giảm lượng phát thải KNK chưa?	30%	1.00	C6.3	C6.2	C6.1		
	C7	Công ty của bạn có áp dụng bất kỳ biện pháp nào về tiết kiệm/hiệu quả năng lượng sau đây vào hoạt động kinh doanh và vận hành không?	50%	1.00	0-1	2	3	4	>4
Sự sẵn sàng tham gia ETS	B8	Công ty bạn có mong muốn tham gia vào ETS của Việt Nam trong tương lai không?	10%	2.50	B8.2	B8.1			
	C8	Công ty của bạn có kế hoạch tham gia ETS trong tương lai của Việt Nam chưa?	40%	2.50	C8.2	C8.1			
	D1		20%	1.00	0-2	3	4	5	6
	D2	Xác định nhu cầu đào tạo xây dựng năng lực	30%	1.00	Không có yêu cầu đào tạo bổ sung nào	Yêu cầu đào tạo bổ sung			

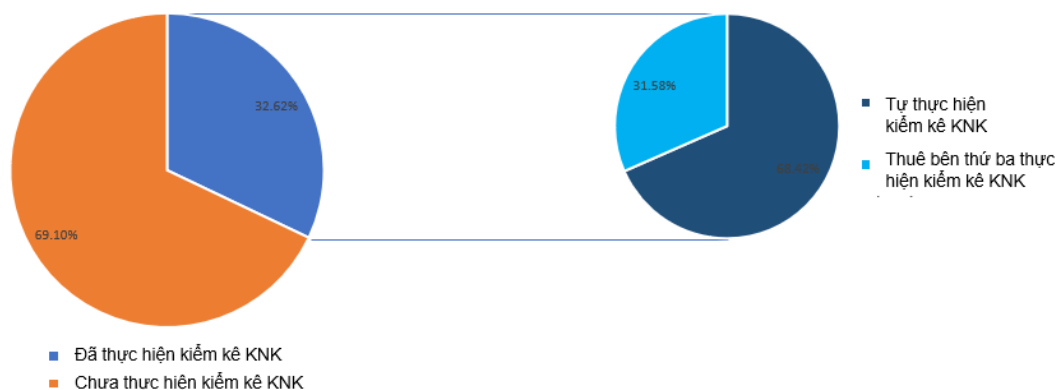
Các câu trả lời được xếp hạng dựa trên thang gồm 5 cấp độ mức nhận thức và sẵn sàng (từ rất thấp đến rất cao). Tỷ trọng trung bình được áp dụng cho mỗi câu hỏi do các câu hỏi sẽ không có giá trị giống nhau trong việc đánh giá mức độ nhận thức và sẵn sàng tổng thể của doanh nghiệp. Các hệ số điều chỉnh được sử dụng để đảm bảo các câu hỏi thuộc các thể loại khác nhau được đánh giá trên cùng một thang đo.

3.2. Kết quả định tính và phân tích các chỉ số/khía cạnh mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp

3.2.1. Năng lực MRV

Do bảng hỏi được rút ngắn về độ dài và độ phức tạp của câu hỏi, 05 chỉ số khác nhau đã được áp dụng để đánh giá năng lực MRV của các công ty. Chỉ số đầu tiên là sự sẵn có của các số liệu phát thải được các công ty cung cấp trong khảo sát. Một số công ty đã thực hiện kiểm kê KNK, trong khi đó, rất nhiều công ty chưa triển khai kiểm kê và đã cung cấp số liệu tiêu thụ năng lượng của họ dựa theo tấn dầu tương đương (TOE). Thông tin này cho thấy rõ ràng năng lực MRV của các doanh nghiệp tham gia khảo sát. Để có thể tiếp tục đánh giá sâu hơn về khía cạnh đánh giá này, các câu hỏi liên quan tới năng lực thu thập số liệu về tiêu thụ nhiên liệu, số liệu kiểm kê KNK, giám sát và kiểm soát chất lượng cũng như thẩm định chất lượng kiểm kê KNK đã được đưa ra. Năng lực thực hiện những khía cạnh nêu trên của MRV là yêu cầu bắt buộc đối với việc tham gia ETS.

Trong số 237 câu trả lời thu được, có 76 công ty đã triển khai kiểm kê KNK (chiếm 32%) và 161 công ty chưa từng kiểm kê KNK cho hoạt động kinh doanh của họ (gần 68%). Đối với các công ty đã thực hiện kiểm kê KNK, chỉ có 24 công ty có kết quả kiểm kê được thực hiện bởi bên thứ ba.

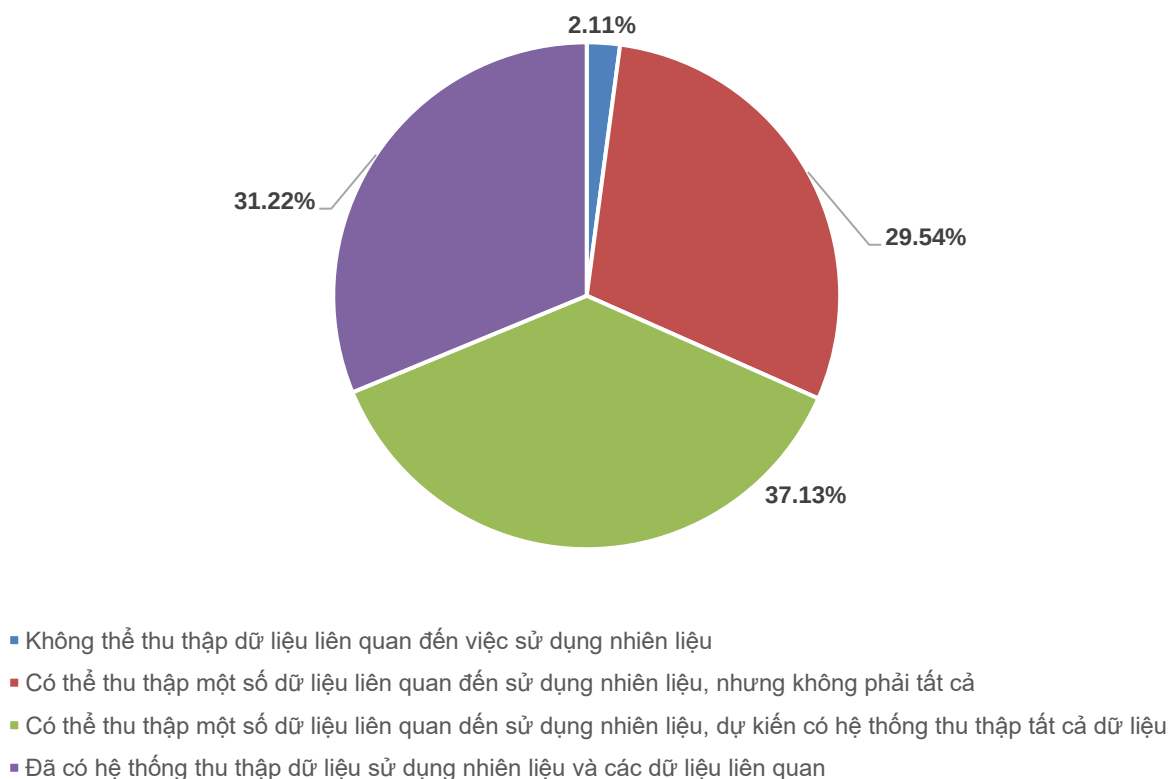


Hình 7: Câu hỏi A6. Công ty của bạn đã thực hiện kiểm kê KNK chưa và được thực hiện như thế nào?

Khảo sát này hướng tới các công ty có hồ sơ phát thải lớn và phải thực hiện kiểm kê KNK theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 7/1/2022. Tuy nhiên, thời hạn cho lần nộp các báo cáo kiểm kê KNK đầu tiên theo Quy định tại Nghị định này

là 31/03/2024. Chính vì vậy, không phải công ty nào cũng có thể cung cấp kết quả kiểm kê KNK của họ tại thời điểm này.

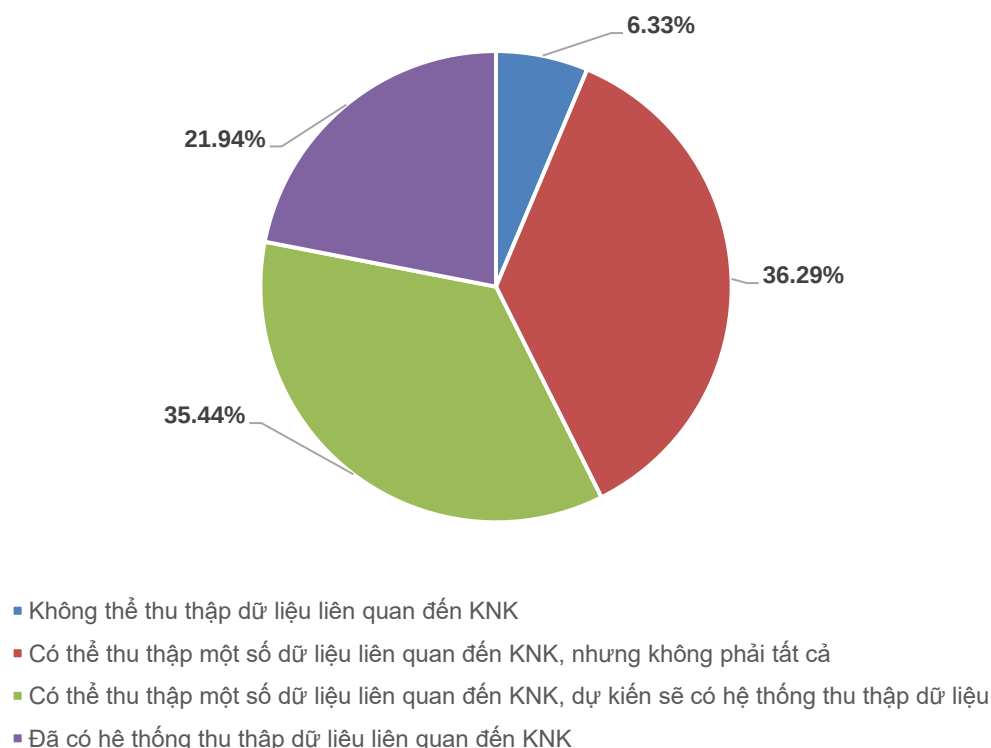
Để có thể hiểu thêm về năng lực MRV của doanh nghiệp, chúng tôi đã hỏi các công ty các câu hỏi liên quan đến năng lực thu thập các số liệu liên quan đến tiêu thụ năng lượng, phát thải KNK và quản lý chất lượng dữ liệu. Yêu cầu đối với các công ty có lượng tiêu thụ năng lượng hàng năm trên 1.000 TOE phải thực hiện kiểm toán năng lượng và báo cáo cho Bộ Công Thương đã được đưa ra trong Thông tư 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng. Kết quả thu được cho thấy chỉ có khoảng 31% các doanh nghiệp tham gia khảo sát đã xây dựng các hệ thống thu thập dữ liệu về tiêu thụ năng lượng đầy đủ. Trong khi đó, hơn 70% công ty chỉ có thể thu thập một số dữ liệu về tiêu thụ năng lượng; đang trong quá trình xây dựng hoặc đang lên kế hoạch xây dựng các hệ thống này. Tuy vậy, vẫn có 05 công ty (chiếm 2%) không thể thu thập dữ liệu liên quan đến tiêu thụ nhiên liệu.



Hình 8: Câu hỏi C1. Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu sử dụng nhiên liệu nhằm tính toán mức tiêu thụ năng lượng của công ty chưa?

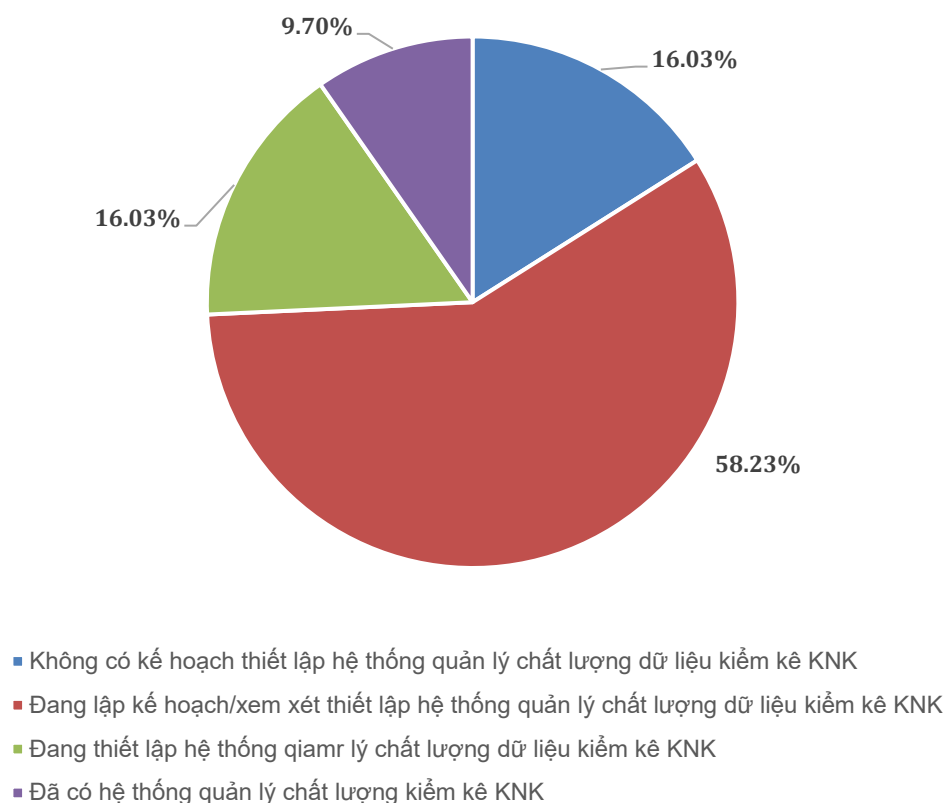
Tương tự, khảo sát cũng hỏi các công ty về khả năng thu thập dữ liệu liên quan đến KNK cho kiểm kê KNK. Chỉ có khoảng 22% số công ty tham gia đã xây dựng các hệ thống kiểm kê phát thải KNK. Khoảng 36% các công ty cho biết họ thu thập được một số dữ

liệu liên quan đến KNK, và họ đang lên kế hoạch hoặc đang cân nhắc thiết lập một hệ thống có thể hỗ trợ họ thu thập toàn bộ dữ liệu về KNK. Số lượng tương tự các công ty cũng cho biết họ đã thu thập một số dữ liệu về KNK, tuy nhiên họ không đề cập đến việc có mong muốn thiết lập một hệ thống như vậy trong tương lai hay không. Một số lượng nhỏ công ty không có khả năng thu thập số liệu cần thiết cho Kiểm kê KNK.



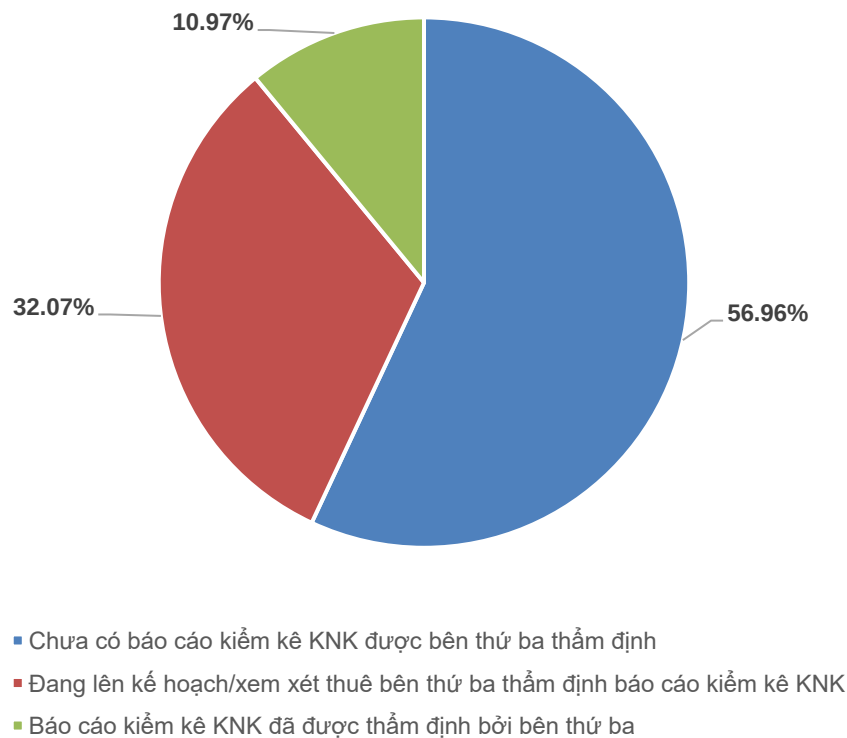
Hình 9: Câu hỏi C2. Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu nhằm tính toán lượng phát thải KNK chưa?

Chỉ số quan trọng nhất để đánh giá năng lực MRV của các công ty tham gia khảo sát là họ quan tâm đến chất lượng số liệu KNK được thu thập đến mức nào. Đa số công ty cho biết họ đang cân nhắc hoặc đang lên kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý chất lượng kiểm kê. Hơn 16% số công ty không có kế hoạch xây dựng một hệ thống như vậy. Ít hơn 10% số công ty tham gia khảo sát có thể quản lý chất lượng của các dữ liệu liên quan đến KNK phục vụ cho hoạt động kinh doanh của họ, trong khi đó, khoảng 16% công ty đang xây dựng hệ thống này.



Hình 10: Câu hỏi C3. Công ty của bạn đã thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê phát thải KNK chưa?

Cuối cùng, trong khuôn khổ khía cạnh đánh giá này, các công ty được hỏi về việc thẩm định kết quả kiểm kê KNK của họ. Ít hơn 11% doanh nghiệp đã thẩm định các báo cáo kiểm kê KNK của họ bởi bên thứ ba (với 26 công ty). Trong khi đó, đa số các công ty chưa nghĩ đến việc thẩm định các báo cáo kiểm kê KNK (chiếm 57%) và khoảng 32% các công ty trả lời rằng họ đang cân nhắc và có kế hoạch để thuê bên thứ ba thẩm định các báo cáo kiểm kê KNK của họ.

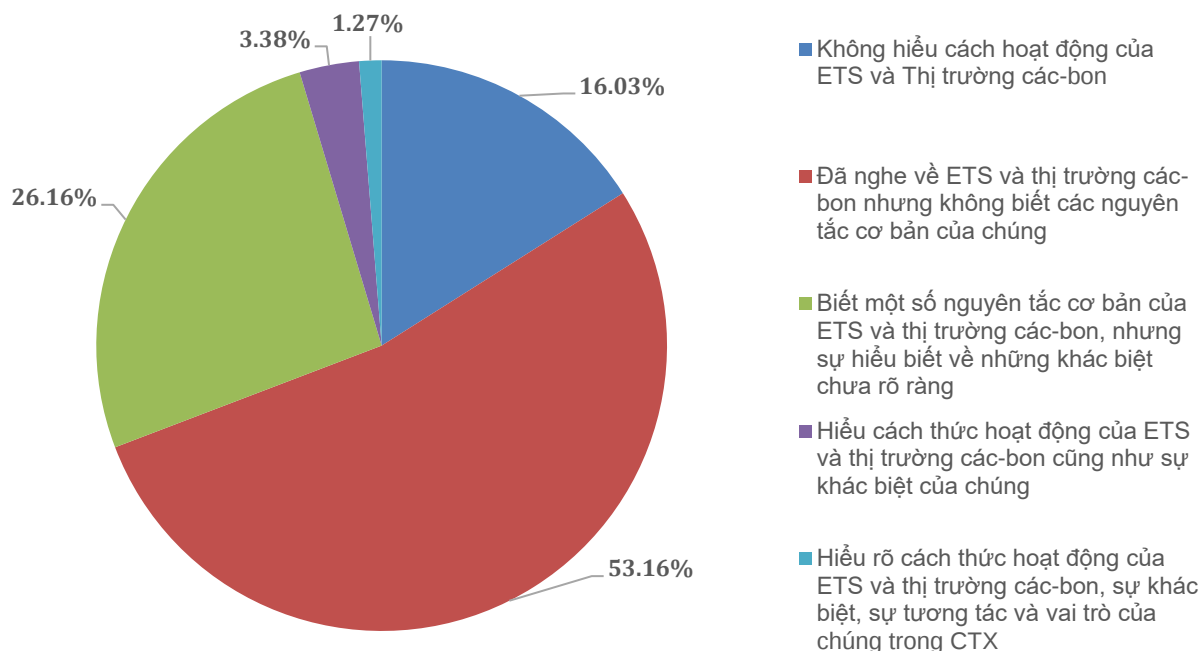


Hình 11: Câu hỏi C4. Công ty bạn đã thuê bên thứ ba để thẩm định báo cáo kiểm kê KNK của công ty chưa?

3.2.2. Nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon

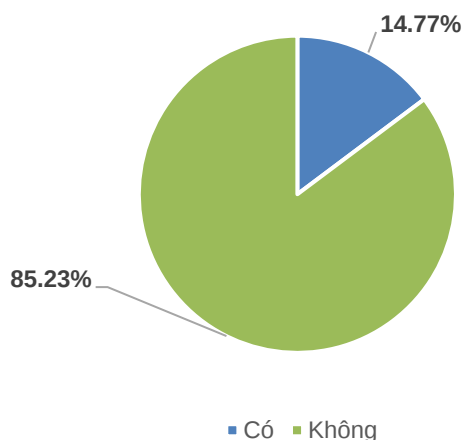
Trong khía cạnh đánh giá này, chỉ số chính là sự hiểu biết về thị trường các-bon và ETS, trong đó các công ty được yêu cầu tự đánh giá mức độ hiểu về thiết kế ETS và các nguyên tắc hoạt động của nó. Họ còn được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan đến phát triển thị trường ở Việt Nam và kinh nghiệm về định giá các-bon.

Trong số tất cả các câu trả lời, khoảng 75% doanh nghiệp tham gia đã có nhận thức nhất định về lộ trình xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam (được đề cập tới trong Nghị định 06/NĐ-CP). Tuy nhiên, khi được hỏi về mức độ hiểu biết của họ về ETS và thị trường các-bon, các câu trả lời cho thấy hơn ½ số công ty chỉ mới nghe qua về các thuật ngữ này và không hiểu chúng thật sự là gì. Khoảng 16% số công ty không hiểu các vận hành của ETS và thị trường các-bon. Chỉ có ¼ số doanh nghiệp nghĩ rằng họ quen thuộc với một số nguyên tắc cơ bản của ETS và thị trường các-bon, nhưng họ không thể phân biệt rõ ràng hai khái niệm này. Dưới 4% công ty cho rằng họ hiểu cách vận hành của ETS và thị trường các-bon cùng sự khác biệt, vai trò và sự tương tác lẫn nhau của chúng trong một CTX.



Hình 12: Câu hỏi B4. Bạn hiểu về ETS và Thị trường các-bon ở mức độ nào?

Sự nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon còn được thể hiện trong kinh nghiệm của các công ty với định giá các-bon như các cơ chế tín chỉ các-bon hoặc các dự án giảm nhẹ phát thải KNK. Theo kết quả khảo sát, khoảng 15% các công ty có kinh nghiệm trong các dự án thuộc phạm vi của các cơ chế tín chỉ hoặc sáng kiến giảm nhẹ phát thải KNK (ví dụ như NAMA, thành phố các-bon thấp, v.v).

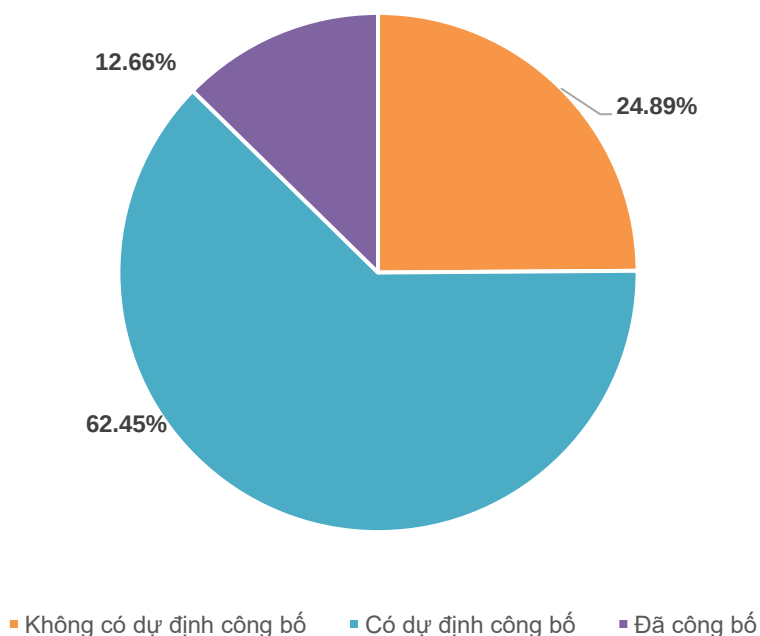


Hình 13: Các công ty có kinh nghiệm định giá các-bon

3.2.3. Tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK

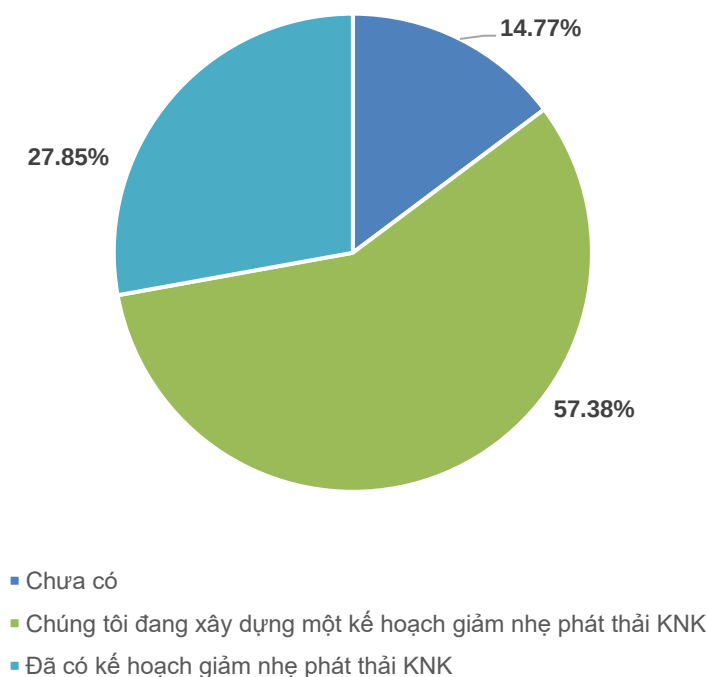
Trong khuôn khổ khía cạnh đánh giá về tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK, ba câu hỏi đã được đưa ra cho các doanh nghiệp. Câu hỏi đầu tiên liên quan đến việc công bố hồ sơ phát thải KNK của các công ty. Một công ty được đánh giá là có tham vọng hơn các công ty khác khi họ chủ động công bố rộng rãi lượng phát thải của họ. Thứ hai, công ty đã có kế hoạch giảm nhẹ phát thải sẽ được đánh giá là có cấp độ tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK cao hơn so với các công ty chưa có kế hoạch nào hoặc cho rằng không cần phải có kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK. Thứ ba, độ tham vọng của doanh nghiệp còn được thể hiện ở các hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả đang được công ty thực hiện. Chúng tôi sử dụng ba chỉ số này để đánh giá cấp độ tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK của các doanh nghiệp tham gia khảo sát.

Trong số 237 công ty tham gia khảo sát, chỉ có khoảng 13% đã công bố hồ sơ phát thải của mình. Khoảng ¼ số công ty không muốn công chúng biết về tình trạng phát thải KNK của họ. Cuối cùng, hơn 62% số doanh nghiệp cho biết họ đang có dự định công bố hồ sơ phát thải của mình.



Hình 14: Câu hỏi C5. Công ty của bạn đã công bố lượng phát thải KNK của mình chưa?

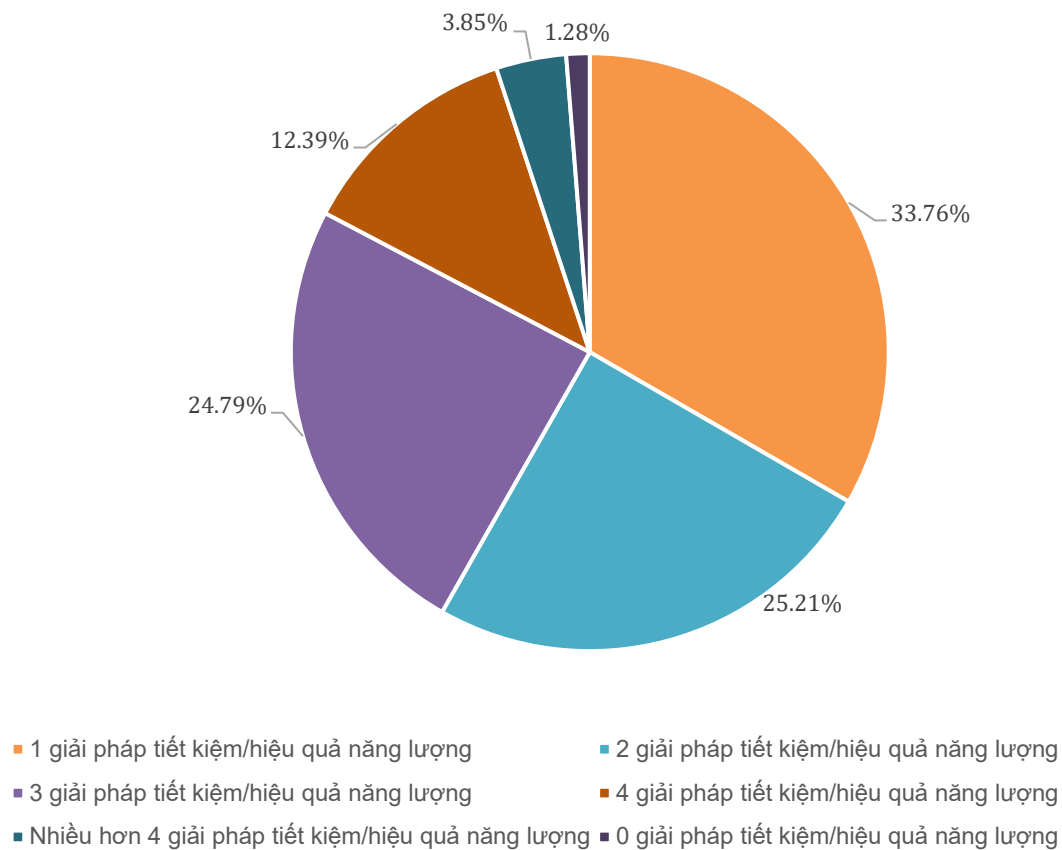
Khi được hỏi về mức độ sẵn có của một kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK, hơn 72% số doanh nghiệp không có bất kỳ một kế hoạch giảm nhẹ nào, với 136 công ty trong số đó đang cân nhắc hoặc đang lên kế hoạch để xây dựng một kế hoạch giảm nhẹ. Chỉ khoảng 28% công ty tham gia khảo sát cho biết họ đã có kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK.



Hình 15: Câu hỏi C6. Công ty của bạn đã có kế hoạch giảm lượng phát thải KNK chưa?

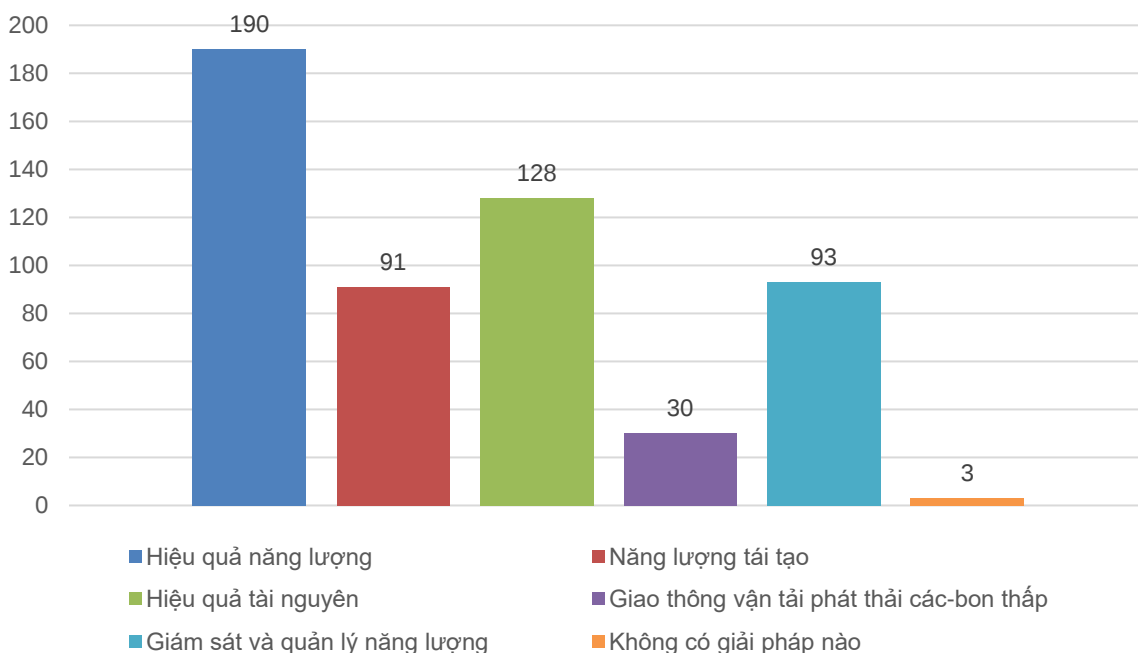
Chỉ số quan trọng nhất trong chiều đánh giá này là số hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả (EE) đang được thực hiện tại các công ty. Các lựa chọn hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả được phân loại vào 6 nhóm, bao gồm: 1) Hiệu quả năng lượng (kiểm toán năng lượng, thay thế thiết bị cũ, thiết bị EE, chiếu sáng EE, tòa nhà EE, cải tiến quy trình sản xuất); 2) Năng lượng tái tạo (tấm pin mặt trời, nhà cung cấp năng lượng sạch, lưới điện nhỏ); 3) Hiệu quả tài nguyên (giảm nguyên liệu thô, giảm sử dụng nước, sử dụng nhiệt thải/nước thải/chất thải rắn); 4) Giao thông vận tải các-bon thấp (xe điện, nhiên liệu sinh học); 5) Hệ thống giám sát, thực hiện và quản lý năng lượng; và 6) Khác.

Các kết quả cho thấy chỉ có khoảng 4% số công ty được khảo sát đang triển khai nhiều hơn 4 nhóm hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả, trong khi đó, có gần 60% công ty đang triển khai từ 1 đến 2 nhóm giải pháp. Khoảng $\frac{1}{4}$ số doanh nghiệp đang thực hiện 3 nhóm giải pháp tiết kiệm năng lượng khác nhau để giảm nhẹ phát thải KNK và khoảng 12% số công ty đang áp dụng 4 nhóm hoạt động. Chỉ một số ít công ty không thực hiện bất kỳ một hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả nào.



Hình 16: Câu hỏi C7. Công ty của bạn đã áp dụng bất kỳ biện pháp nào về các hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả sau đây vào hoạt động kinh doanh và vận hành?

Có thể thấy nhóm giải pháp phổ biến nhất là các hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả (được triển khai bởi 190 công ty). Tiếp sau đó là hiệu quả tài nguyên với 128 công ty thực hiện. Năng lượng tái tạo và quản lý, giám sát năng lượng được áp dụng với số lượng ngang bằng (với mỗi nhóm giải pháp có nhiều hơn 90 doanh nghiệp thực hiện). Nhóm giải pháp được triển khai ít nhất là giao thông vận tải các-bon thấp.



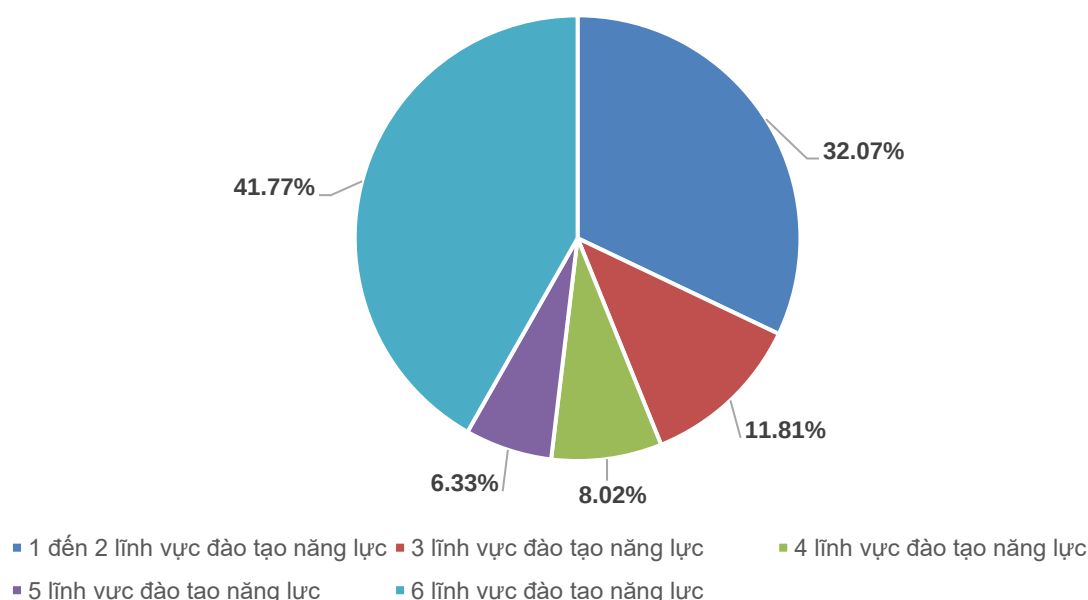
Hình 17: Các giải pháp hoạt động tiết kiệm năng lượng/sử dụng năng lượng hiệu quả được các công ty triển khai

3.2.4. Sự sẵn sàng tham gia ETS

Khía cạnh đánh giá về mức độ sẵn sàng tham gia ETS của doanh nghiệp được thực hiện thông qua một bộ câu hỏi. Các công ty được hỏi về nguyện vọng tham gia vào ETS của Việt Nam trong tương lai và kế hoạch tham gia của doanh nghiệp. Khía cạnh này còn được đánh giá bởi cách các công ty xác định nhu cầu xây dựng năng lực cho việc tham gia ETS và thị trường các-bon. Các lĩnh vực đào tạo năng lực được nhắc đến là những lĩnh vực cần có để tham gia ETS một cách hiệu quả.

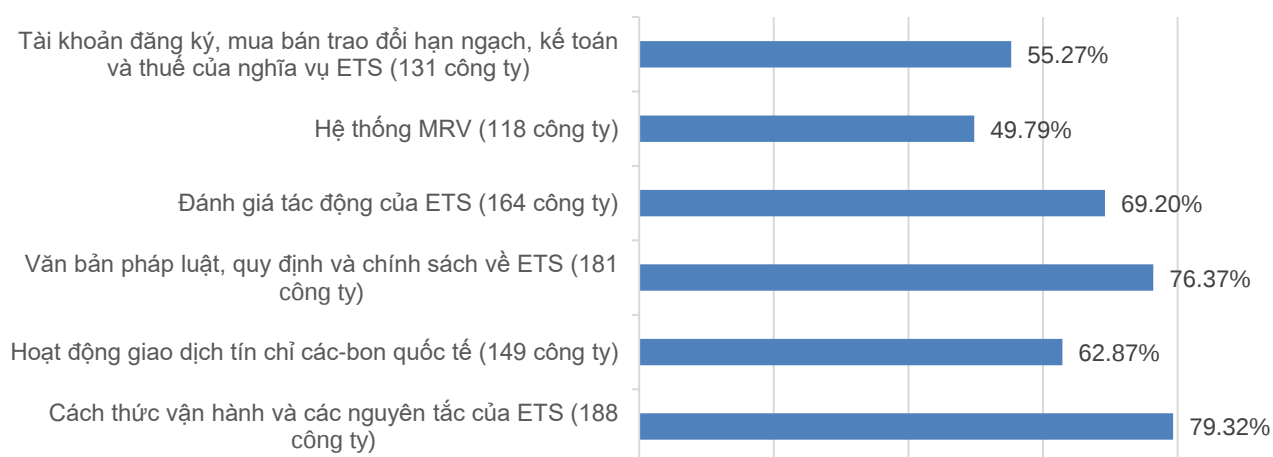
Trong 237 công ty tham gia khảo sát, có 223 doanh nghiệp cho biết họ muốn tham gia vào ETS tại Việt Nam, nhưng chỉ 57 công ty cho biết họ đã xây dựng kế hoạch cần thiết.

Khi các công ty được yêu cầu phải xác định các lĩnh vực đào tạo năng lực mà họ cần để chuẩn bị cho việc tham gia ETS và thị trường các-bon, khoảng 42% công ty thể hiện mong muốn được đào tạo xây dựng năng lực ở tất cả các lĩnh vực được đề xuất. Khoảng 32% số công ty cho rằng họ cần được đào tạo nâng cao năng lực trong ít hơn hai lĩnh vực kiến thức. Khoảng $\frac{1}{4}$ số công ty nghĩ họ sẽ cần được nâng cao năng lực trong 3 đến 5 lĩnh vực để tham gia ETS. Cần lưu ý rằng để chuẩn bị cho việc tham gia ETS, chỉ 16 công ty yêu cầu tổ chức thêm các hoạt động đào tạo năng lực khác.



Hình 18: Số lĩnh vực đào tạo năng lực được cho là cần thiết cho việc tham gia ETS

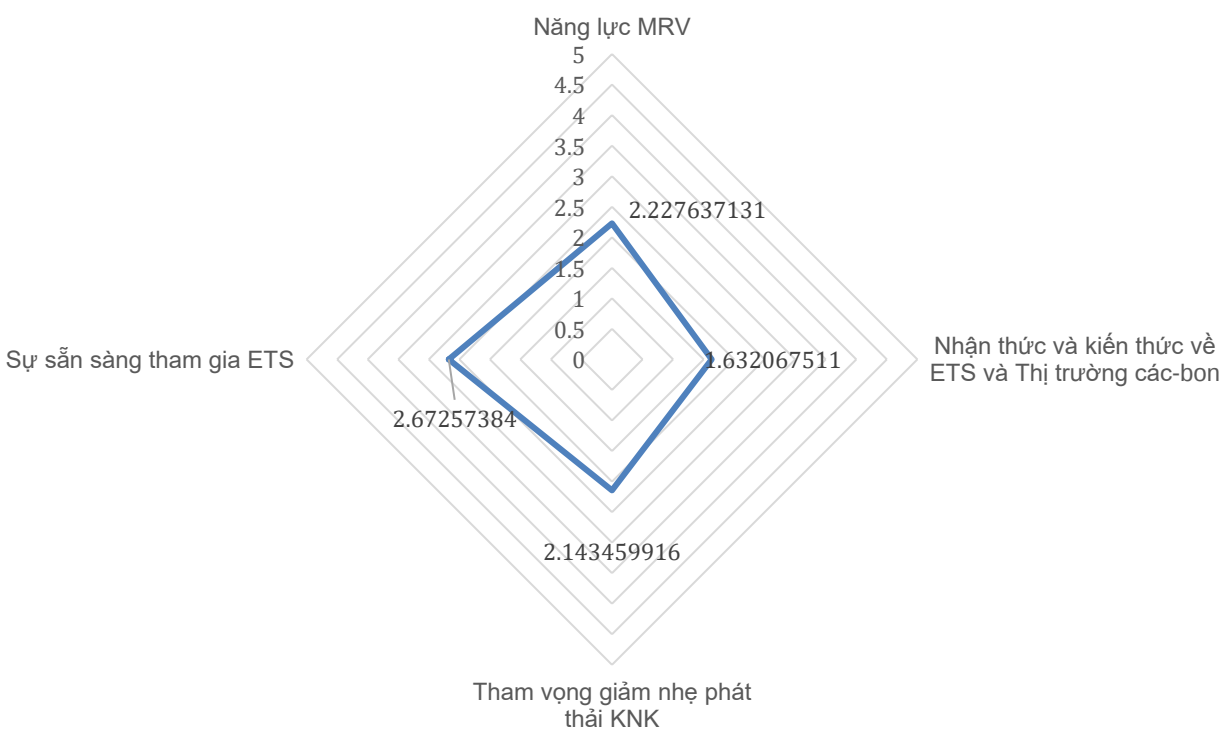
Trong số 6 nhóm lĩnh vực đào tạo năng lực, vận hành và các nguyên tắc ETS là chủ đề được lựa chọn nhiều nhất bởi các doanh nghiệp tham gia khảo sát. Tiếp sau đó là nội dung về các văn bản pháp luật, quy định và chính sách liên quan đến ETS. Năng lực MRV là lĩnh vực được lựa chọn ít nhất dù vẫn có được sự quan tâm của hơn ½ số công ty trả lời khảo sát. Thông tin thu được từ câu hỏi này vô cùng có giá trị cho việc xây dựng nội dung các khóa đào tạo.



Hình 19: Các lĩnh vực nâng cao năng lực được yêu cầu bởi các công ty

3.3. Tổng quan mức độ sẵn sàng tham gia ETS và thị trường các-bon của các doanh nghiệp được khảo sát

Nhìn chung, mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp tham gia khảo sát đạt ở mức thấp đến trung bình. Trong 4 khía cạnh đánh giá, sự nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon như dự đoán đạt mức thấp nhất trong khi các công ty thể hiện sự sẵn sàng tích cực đối với việc tham gia ETS. Các cấp độ sẵn sàng tổng thể của 4 khía cạnh được thể hiện tại các biểu đồ tiếp theo. Các phân tích chi tiết và phát hiện từ mỗi chỉ số thuộc các khía cạnh được làm rõ trong các phần tiếp theo.

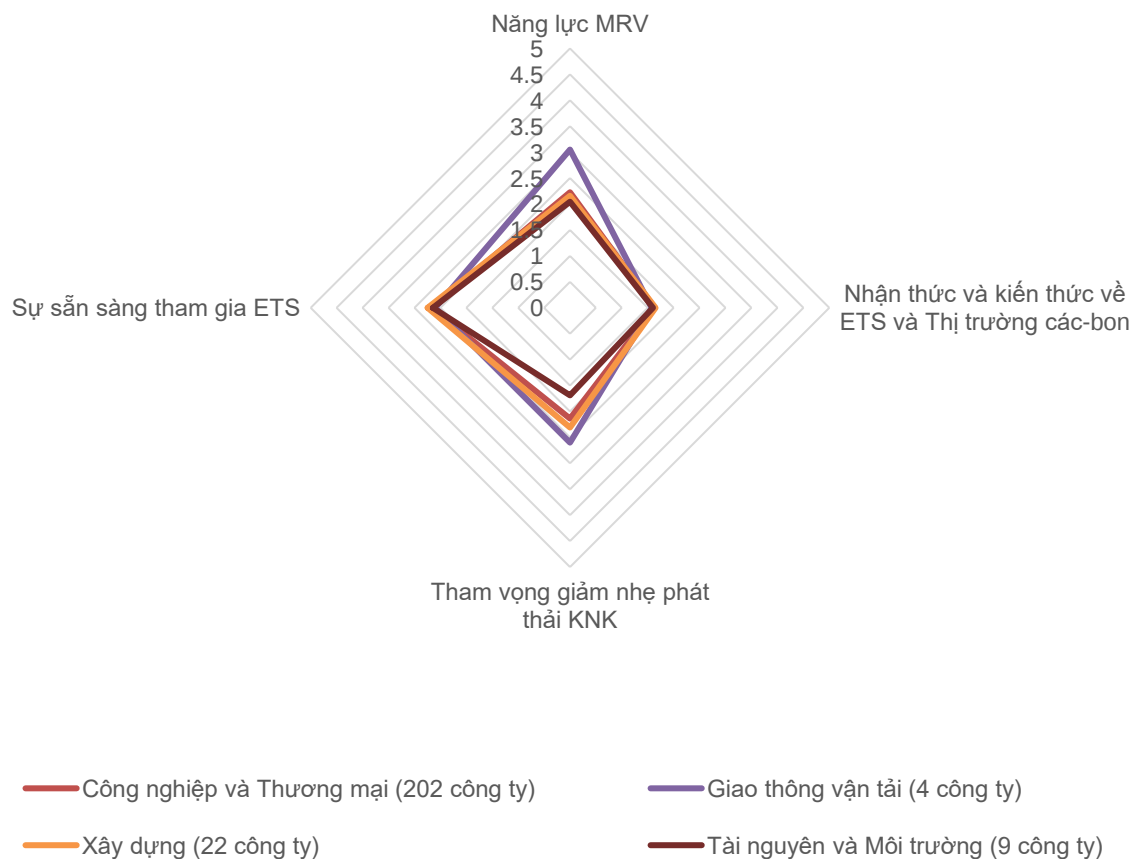


Hình 20: Tổng quan cấp độ sẵn sàng tham gia ETS của các công ty tham gia khảo sát

3.4. So sánh mức độ sẵn sàng giữa các nhóm công ty tham gia khảo sát

3.4.1. Theo ngành

Các kết quả phân tích cho thấy các công ty thuộc cả 4 ngành có nhận thức và hiểu biết về ETS và thị trường các-bon ở mức thấp. Trong các khía cạnh đánh giá khác, ngành Giao thông vận tải có năng lực MRV, tham vọng giảm nhẹ phát thải và sự sẵn sàng tham gia cao. Các công ty thuộc ngành công thương cùng ngành xây dựng có mức độ tương đương với các công ty thuộc ngành tài nguyên và môi trường về năng lực MRV, sự sẵn sàng tham gia và kiến thức về ETS; tuy nhiên, họ lại có tham vọng lớn hơn trong việc giảm nhẹ phát thải KNK.

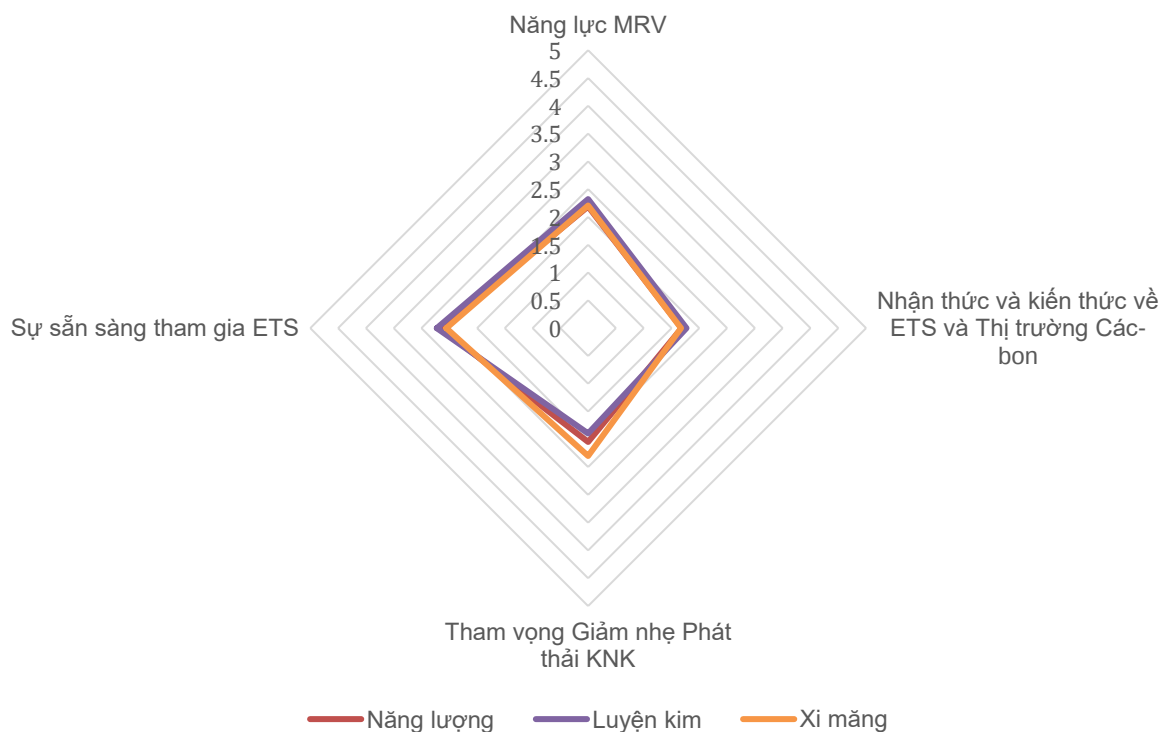


Hình 21: Sự sẵn sàng của các công ty (phân chia theo ngành)

3.4.2. Theo lĩnh vực

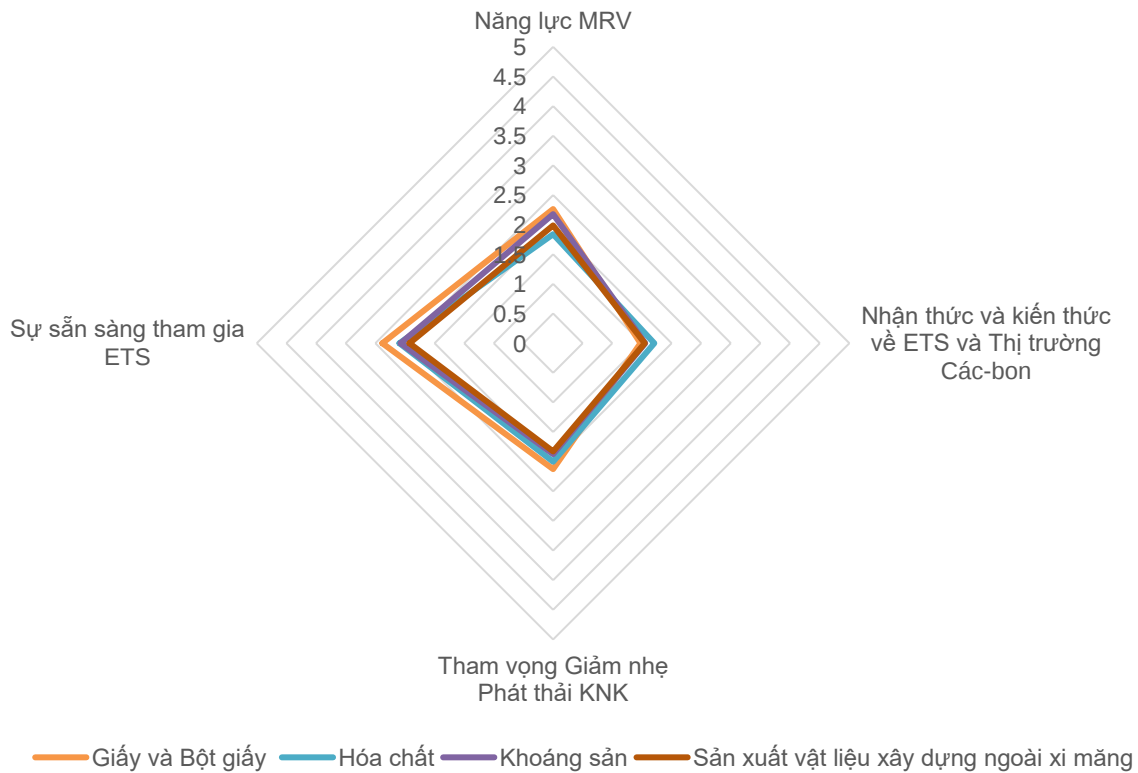
Có 14 nhóm lĩnh vực chính được xác định trong khảo sát và phân loại thành 3 nhóm. Nhóm đầu tiên bao gồm các lĩnh vực tiêu thụ năng lượng lớn và có tiềm năng là nhóm đầu tiên tham gia vào ETS tại Việt Nam. Nhóm thứ hai bao gồm các lĩnh vực tiêu thụ năng lượng lớn nhưng không phải nhóm có tiềm năng sẽ tham gia ETS tại Việt Nam đầu tiên. Nhóm thứ ba bao gồm các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu khác.

Không có nhiều sự khác biệt giữa các công ty tiêu thụ năng lượng lớn có tiềm năng tham gia vào ETS Việt Nam đầu tiên, bao gồm các công ty thuộc lĩnh vực năng lượng, luyện kim (thép) và xi măng. Điểm khác nhau là ở tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK, với các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất xi măng có tham vọng giảm nhẹ phát thải cao hơn so với các công ty khác thuộc lĩnh vực sản xuất thép và năng lượng.



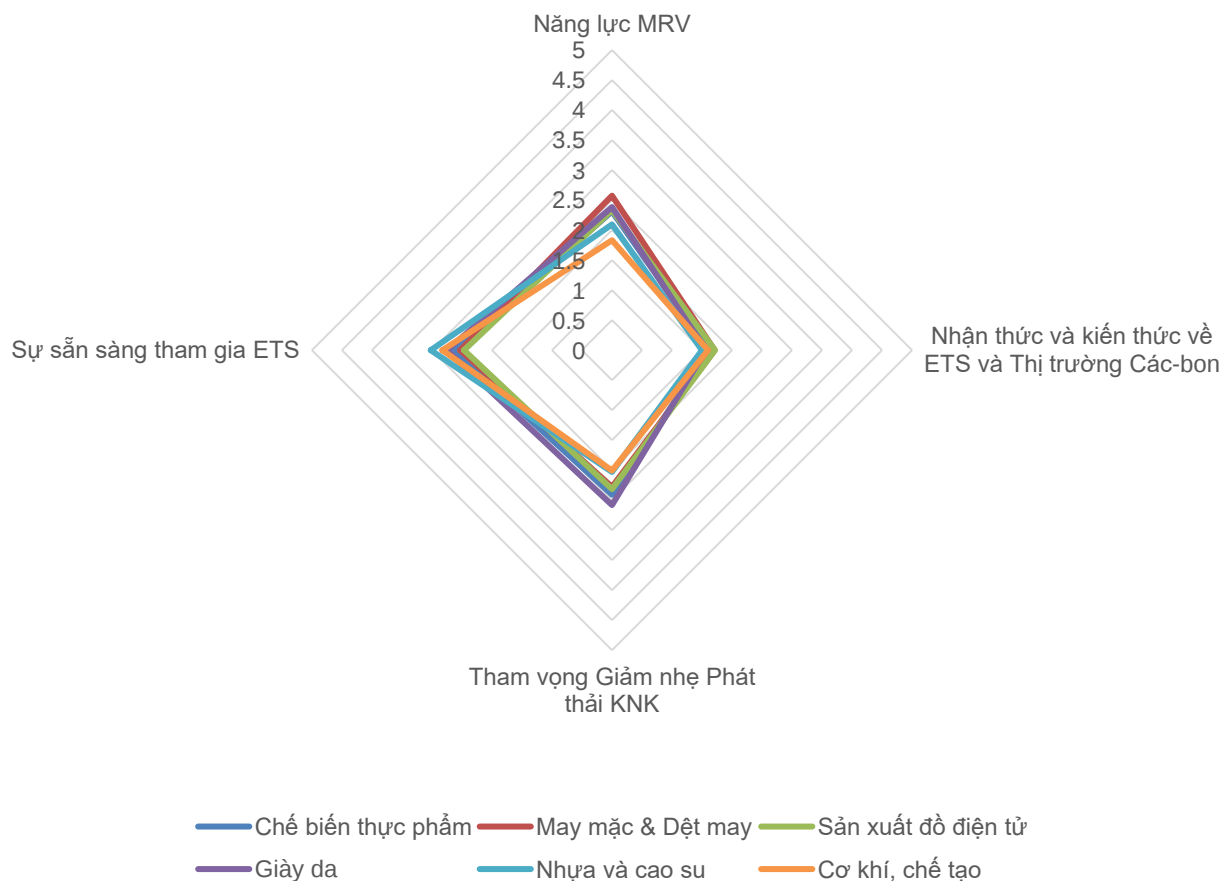
Hình 22: Sự sẵn sàng giữa các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng có tiềm năng tham gia ETS tại Việt Nam đầu tiên

Đối với nhóm các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng nhưng không có tiềm năng tham gia ETS đầu tiên, lĩnh vực sản xuất giấy và bột giấy có sự chuẩn bị tốt hơn các lĩnh vực khác về năng lực MRV, sự sẵn sàng tham gia ETS và tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK. Trong khi đó, các công ty sản xuất vật liệu xây dựng ngoài xi măng có mức độ sẵn sàng thấp nhất.



Hình 23: Sự sẵn sàng giữa các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng không có tiềm năng tham gia ETS tại Việt Nam đầu tiên

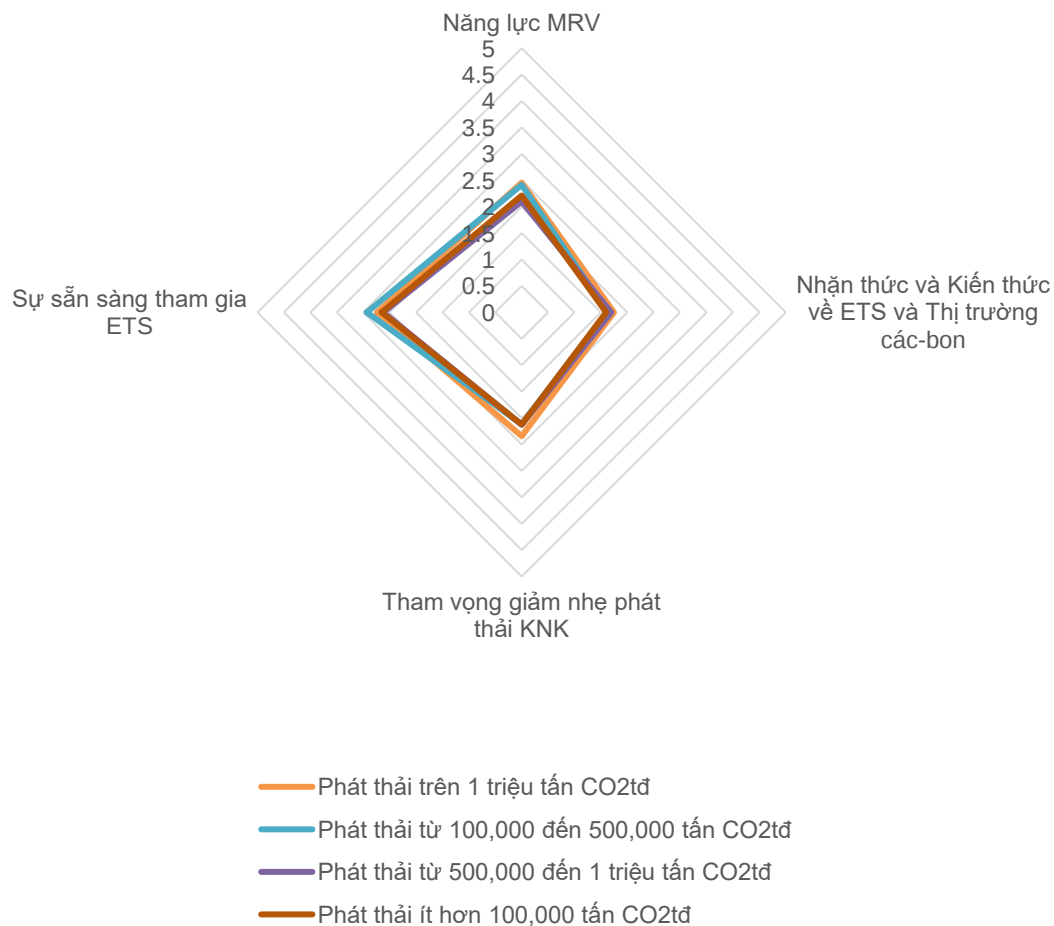
Các nhóm lĩnh vực có cấp độ sẵn sàng khác nhau. Các công ty thuộc lĩnh vực may mặc - dệt may cùng lĩnh vực giày da có năng lực MRV và tham vọng giảm nhẹ phát thải cao hơn so với các công ty thuộc các lĩnh vực khác cùng nhóm. Trong khi đó, các công ty cơ khí, chế tạo có cấp độ năng lực MRV và tham vọng giảm nhẹ phát thải KNK thấp nhất. Đặc điểm chung giữa các nhóm lĩnh vực là nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon ở mức thấp.



Hình 24: Sự sẵn sàng của các công ty thuộc các lĩnh vực hàng xuất khẩu

3.4.3. Theo phát thải KNK

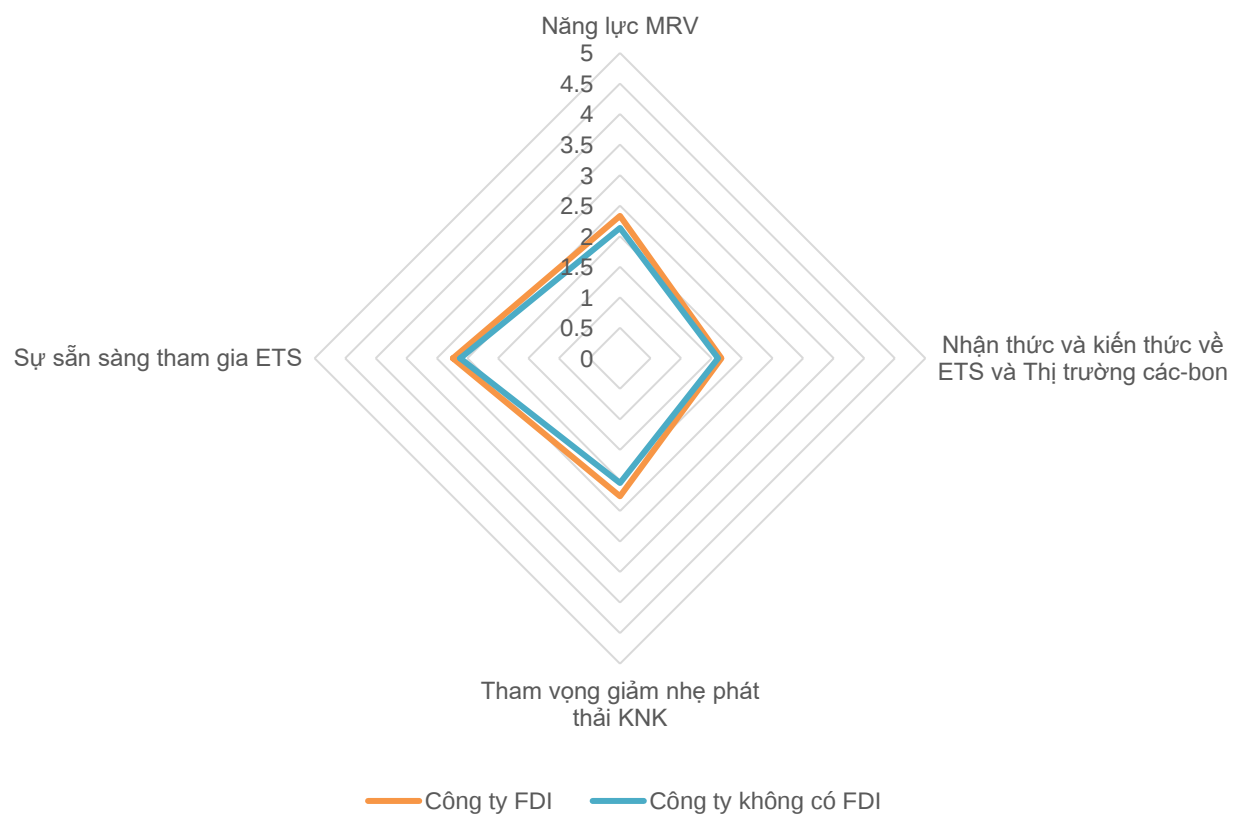
Các doanh nghiệp phát thải lớn với phát thải hàng năm cao hơn 1 triệu tấn CO₂tđ có mức độ sẵn sàng cao hơn so với các nhóm khác về năng lực MRV, tham vọng giảm nhẹ phát thải, cùng nhận thức và kiến thức về ETS và thị trường các-bon. Ngược lại, nhóm các công ty với mức phát thải dưới 100,000 tấn CO₂tđ có mức độ sẵn sàng thấp nhất.



Hình 25: Sự sẵn sàng của các nhóm công ty dựa theo hồ sơ phát thải

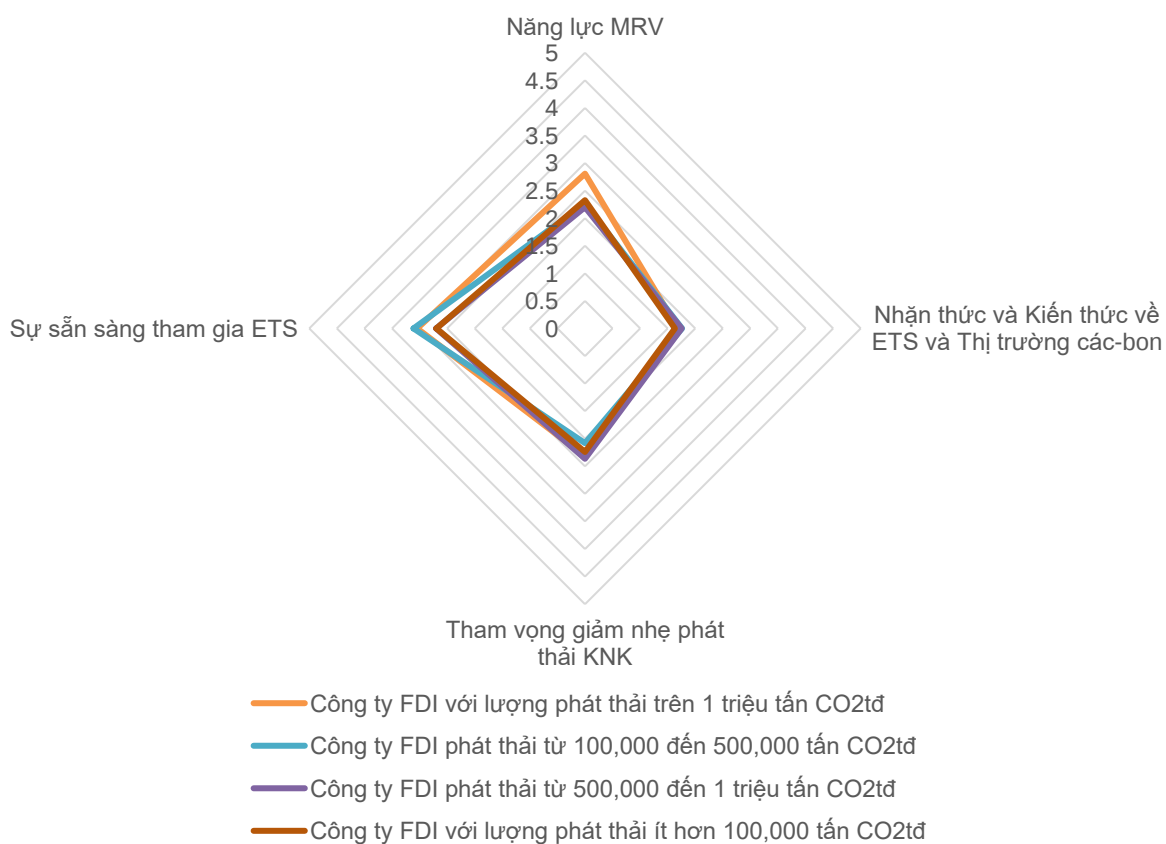
3.4.4. Theo loại công ty

Có sự khác biệt rõ ràng hơn về mức độ sẵn sàng giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp không có FDI. Các công ty FDI vượt trội hơn các công ty không có FDI ở tất cả các mặt. Lý do có thể xảy ra nhất là các công ty FDI được trang bị với nhiều công nghệ hiện đại cho phép thực hiện MRV. Đồng thời, các công ty FDI có sự tiếp cận với thị trường quốc tế nhiều hơn, tại đó, các yêu cầu liên quan đến ESG và khí hậu trở nên thịnh hành, bắt buộc các doanh nghiệp này phải xây dựng các hệ thống MRV và các kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK.



Hình 26: Sự sẵn sàng giữa các công ty FDI và các công ty không có FDI

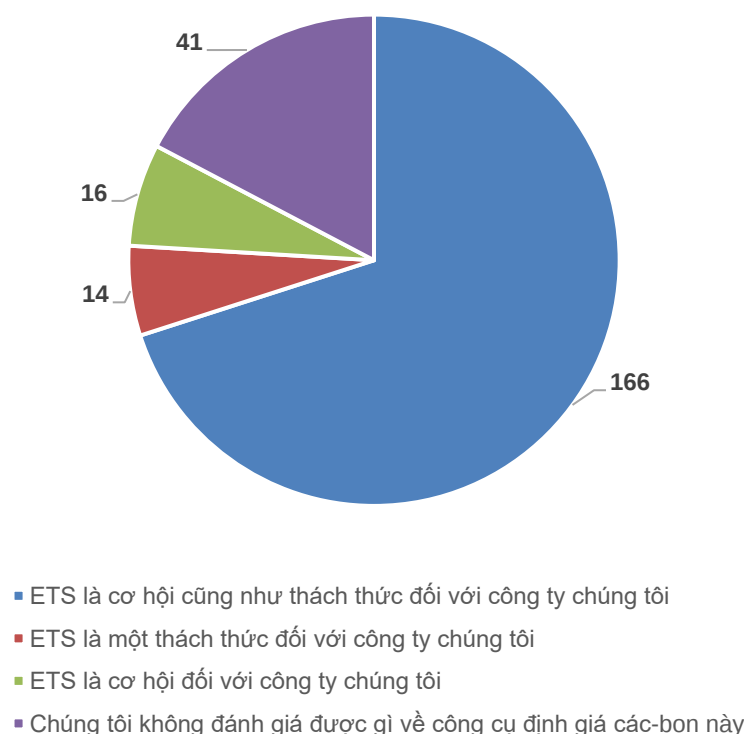
Khi xem xét sâu hơn về độ sẵn sàng giữa các nhóm doanh nghiệp FDI dựa theo hồ sơ phát thải của họ, khoảng cách về năng lực MRV giữa các công ty FDI có lượng phát thải lớn hơn 1 triệu tấn CO₂đ và các nhóm khác cũng được thể hiện rõ hơn. Các công ty thuộc nhóm này là các công ty có mức độ sẵn sàng tham gia cao nhất trong số tất cả các nhóm.



Hình 27: Sự sẵn sàng của các doanh nghiệp FDI dựa theo hồ sơ phát thải

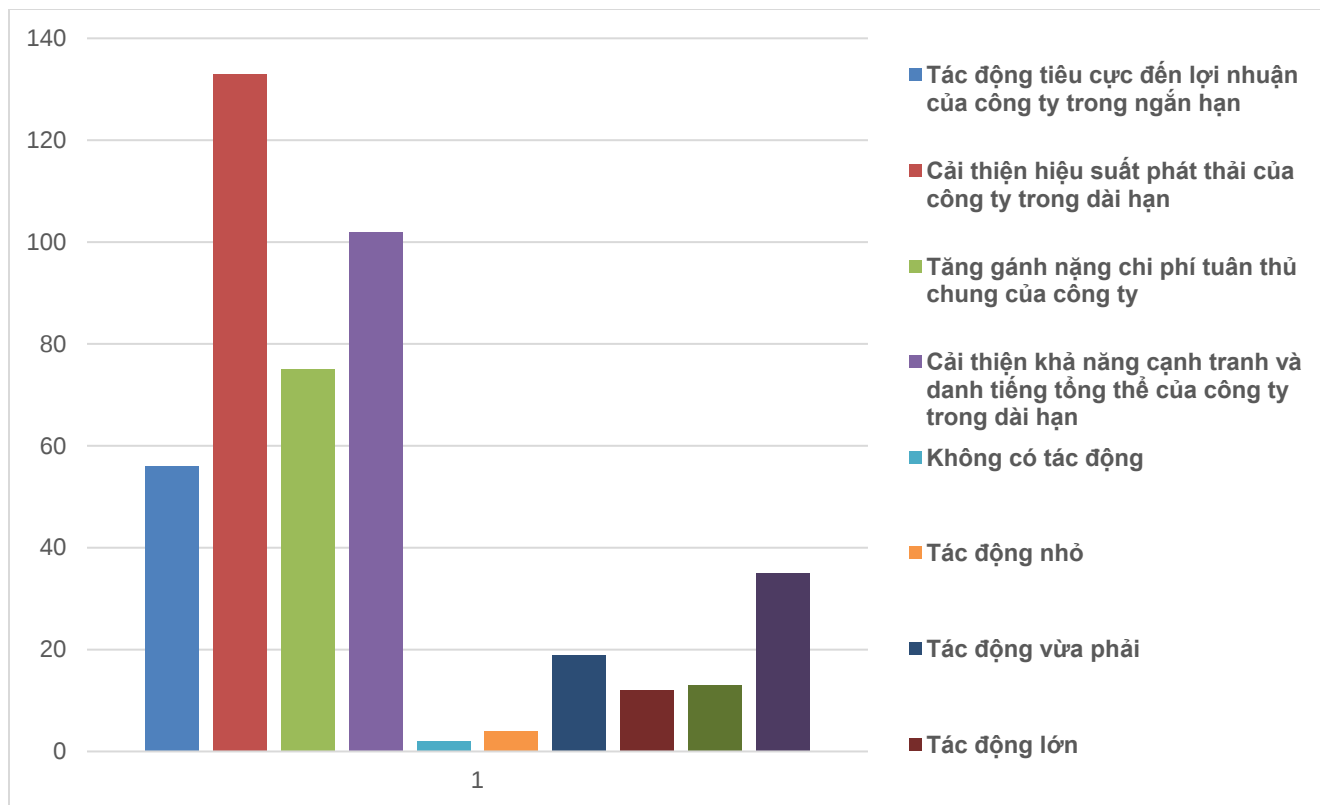
4. Quan điểm về ETS của các công ty tham gia khảo sát

Xét quan điểm của doanh nghiệp về ETS, hầu hết số người được hỏi đều coi ETS vừa là thách thức vừa là cơ hội đối với doanh nghiệp của họ. Khoảng 6% công ty cho rằng ETS là một thách thức đối với họ, trong khi 7% công ty coi đây là một cơ hội. Tuy nhiên, vẫn có 17% số người được hỏi cho biết họ không có đủ kiến thức để đánh giá đây là cơ hội hay thách thức đối với họ.



Hình 28. Quan điểm của các công ty về ETS

Để hiểu rõ hơn quan điểm của các công ty về ETS, cuộc khảo sát yêu cầu các công ty đánh giá tác động mà họ có thể thấy nếu tham gia ETS. Ý kiến phổ biến nhất là việc tham gia ETS có thể sẽ cải thiện hiệu suất phát thải của công ty trong thời gian dài hơn vì định giá các-bon khuyến khích công ty khử các-bon và nâng cao hiệu quả các hoạt động cũng như quy trình kinh doanh của công ty. Gần một nửa số công ty cũng cho rằng họ có thể nâng cao khả năng cạnh tranh và danh tiếng chung của công ty trong dài hạn khi tham gia ETS. Có 75 công ty cho rằng việc tham gia ETS sẽ làm tăng gánh nặng chi phí tuân thủ nói chung với trách nhiệm báo cáo và tuân thủ ETS bổ sung. 56 công ty cho rằng điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến họ trong ngắn hạn. Ý kiến chung về mức độ tác động đã được một số công ty lựa chọn. Cần lưu ý rằng 35 công ty không có ý kiến gì về chủ đề này vì họ cảm thấy không thể đánh giá được tác động của ETS.



Hình 29. Ý kiến của các công ty về tác động của ETS

5. Tóm tắt những đánh giá định tính và các đề xuất

5.1. Tóm tắt đánh giá định tính

Kết quả khảo sát cho thấy xu hướng chung về mức độ sẵn sàng dưới mức trung bình giữa các ngành, nhóm ngành, phân theo hồ sơ phát thải và loại hình công ty trong việc tham gia và thực hiện các nghĩa vụ tuân thủ trong một ETS điển hình. Các khía cạnh về “sự sẵn sàng tham gia ETS” được khảo sát đánh giá là (i) năng lực MRV, (ii) nhận thức về thị trường các-bon và chính sách ETS, (iii) các hoạt động giảm phát thải và (iv) chức năng thị trường ETS và vai trò của các công ty phải tham gia ETS. Phần này đưa ra đánh giá về các lý do có thể xảy ra và đưa ra các khuyến nghị cũng như các bước tiếp theo cho HTKT.

Thứ nhất, so với các mốc thời gian chung³ cho việc lập kế hoạch và triển khai ETS ở các quốc gia khác, Việt Nam phải đối mặt với thời gian thực hiện ngắn hơn⁴ từ khi ban hành

³ Bất chấp việc so sánh các mốc thời gian chung mà Việt Nam được kết luận là có thời gian thực hiện ngắn hơn so với các quốc gia khác, vẫn có thể có sự tham gia liên tục giữa ngành và chính phủ giữa các quốc gia về khả năng áp dụng ETS trong tương lai.

⁴ Để so sánh, đối với Hàn Quốc, quốc gia này đã thông qua “Đạo luật khung về Carbon thấp và Tăng trưởng xanh” vào năm 2009, tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập Cơ chế Giao dịch Hạn ngạch Phát thải của Hàn Quốc (K-ETS).

Nghị định 06/2022/NĐ-CP vào tháng 1 năm 2022 đến thí điểm CTX vào năm 2025 và vận hành chính thức CTX vào năm 2028.

Bảng 2. Các mốc thời gian lập kế hoạch và thực hiện ETS ở một số quốc gia ở Châu Á

ETS	Thông báo và/hoặc luật được thông qua	Năm bắt đầu thí điểm	Năm hoạt động
Việt Nam	2022	2025	2028
Hàn Quốc	2009 và 2012	-	2015
Trung Quốc ETS	2011 (thí điểm khu vực) 2017 (ETS quốc gia)	2013-2016 (thí điểm khu vực)	2021 (ETS quốc gia)
Nhật Bản	2022	2023 (Liên đoàn GX)	2026 (ETS quốc gia) * Đầu giá từ năm 2033

Nguồn: Chuyên gia tư vấn (2023), dựa trên ICAP và IETA

Điều quan trọng cần lưu ý là trước khi Nghị định 06/2022/NĐ-CP được ban hành, có rất ít sự quan tâm và hiểu biết về định giá các-bon và thị trường các-bon ở Việt Nam.

Kết quả hoạt động lập sơ đồ các nhà tài trợ trong Báo cáo khởi động của Tư vấn đã chứng minh rằng hỗ trợ dành cho các công ty dưới hình thức xây dựng năng lực để thực hiện ETS ở Việt Nam còn rất hạn chế.

Nỗ lực duy nhất về ETS là lớp đào tạo kéo dài 2 ngày được tổ chức tại tỉnh Vĩnh Phúc và Quảng Bình vào tháng 11 năm 2022 về ETS trong dự án “Quản lý rừng bền vững” của USAID. Khóa đào tạo tập trung vào các chức năng của thị trường ETS và vai trò của các công ty phải tham gia ETS, đặc biệt tập trung vào việc tạo tín chỉ các-bon lâm nghiệp. Tuy nhiên, khóa đào tạo này chỉ giới hạn ở khoảng 80 người trong ngành lâm nghiệp ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung Việt Nam và không tập trung vào các chủ thể chính của ETS Việt Nam trong tương lai gồm các cơ sở phát thải lớn thuộc Quyết định 01/2022/QĐ-TTg.

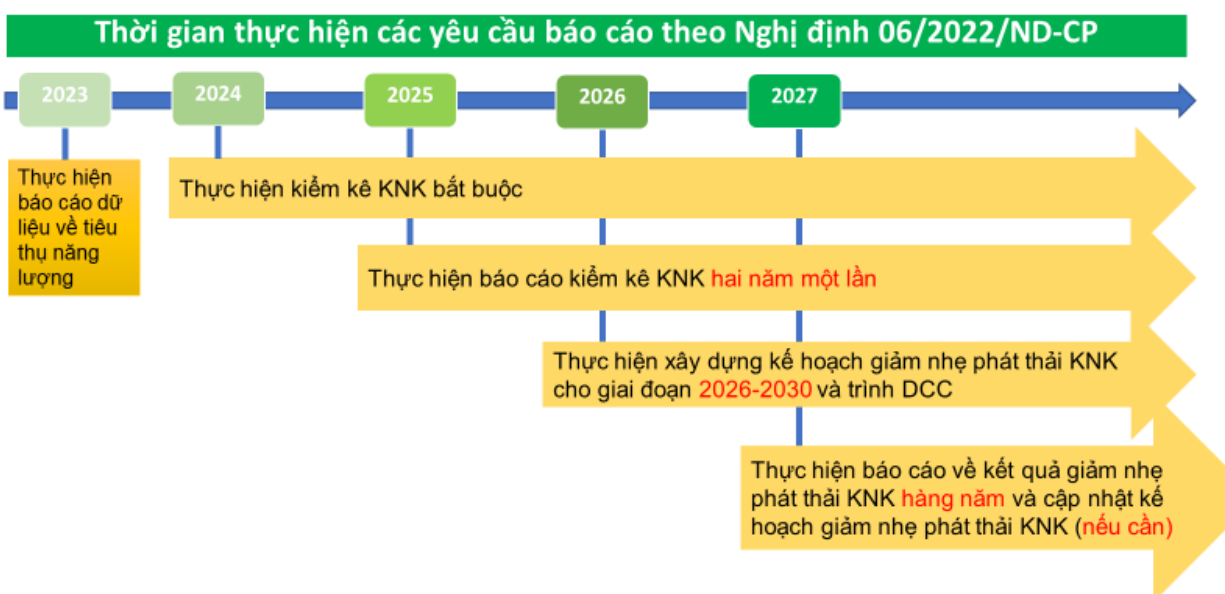
Về các nỗ lực nâng cao năng lực liên quan đến MRV, JICA đã và đang cung cấp cho các công ty thuộc các ngành khác nhau ở Việt Nam các hội thảo đào tạo về kiểm kê KNK, phù hợp với các yêu cầu báo cáo theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, thuộc dự án Hỗ trợ lập kế hoạch và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định ở Việt Nam (SPI-NDC).

Những nỗ lực này chưa đủ và chưa phù hợp với quy mô và tốc độ mà Nghị định 06/2022/NĐ-CP dự định thực hiện thị trường các-bon trong nước. Thứ nhất, các ngành

Sau đó, Đạo luật Kinh doanh Khí thải và Nghị định Thực thi luật này đã được thông qua vào năm 2012, xác định các tổ chức chịu trách nhiệm và các mốc thời gian cho K-ETS, được triển khai vào năm 2015 và trở thành ETS bắt buộc đầu tiên ở Đông Á.

công nghiệp then chốt như năng lượng, thép và xi măng có thể nằm trong phạm vi quản lý của ETS không thuộc phạm vi đối tượng của các khóa đào tạo này và khóa đào tạo không bao gồm khu vực phía Nam, trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam và là nơi có các doanh nghiệp phát thải lớn.

Lý do thứ hai dẫn đến mức độ sẵn sàng dưới mức trung bình của các công ty nằm ở khoảng cách lớn giữa các yêu cầu về năng lượng, KNK, môi trường, xã hội và quản trị (ESG) hiện có đối với các công ty và nghĩa vụ tuân thủ thị trường các-bon trong tương lai. Là một thành viên của UNFCCC, Việt Nam có năng lực cần thiết để tổng hợp, báo cáo kiểm kê phát thải quốc gia và đặt ra mục tiêu giảm phát thải. Để đạt được mục tiêu này, dự kiến các công ty sẽ nộp một số dạng dữ liệu về tiêu thụ năng lượng cho Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có yêu cầu báo cáo chính thức về phát thải KNK trước khi Nghị định 06/2022/NĐ-CP được ban hành và từ năm 2024, các công ty sẽ phải lập và báo cáo kiểm kê KNK.



Hình 30. Mốc thời gian thực hiện yêu cầu báo cáo khí nhà kính và năng lượng theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP

Nguồn: Tư vấn tổng hợp từ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP (2023)

Việc đạt được mức độ sẵn sàng tham gia ETS phù hợp cho thí điểm CTX vào năm 2025 và hoạt động ETS chính thức vào năm 2028 sẽ là một bước nhảy vọt lớn trong nỗ lực gia tăng của các công ty. Từ kết quả khảo sát, có thể thấy các công ty hiện tại chưa được trang bị đầy đủ về ETS và chính sách thị trường các-bon, yêu cầu thị trường, kỹ năng và chuyên môn để bắt đầu khâu chuẩn bị tham gia.

Bảng 3. Năng lực hiện tại và tương lai của công ty cần có để tuân thủ Nghị định 06/2022/ND-CP và ETS trong tương lai

Báo cáo sử dụng năng lượng định kỳ cho Chính phủ	Báo cáo kiểm kê KNK và kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK	Hoạt động thị trường ETS
<i>Hiện tại</i>	<i>Từ 2024</i>	<i>Từ 2025</i>
• Xác định các quá trình hoặc hoạt động tiêu thụ nhiên liệu chính • Xác định các phương pháp đo đặc phù hợp cho số liệu về sử dụng nhiên liệu (số liệu hoạt động) dựa trên số liệu và quy trình hiện có • Tổng hợp và báo cáo số liệu hoạt động cho Chính phủ • Xử lý các yêu cầu kiểm toán dữ liệu tiềm năng • v.v. <i>Lưu ý: Năng lực nội bộ hiện tại của các công ty, ngoài các thông lệ báo cáo hiện có cho Chính phủ, không được đánh giá và mô tả trong bảng.</i>	• Phạm vi toàn diện của các quá trình và hoạt động phát thải KNK • Phát triển các phương pháp định lượng phát thải để tính toán lượng phát thải • Xác định các phương pháp đo lường dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải, chẳng hạn như sử dụng hệ số phát thải mặc định • Tính toán và tổng hợp lượng phát thải để tổng hợp kiểm kê • Phát triển quy trình quản lý dữ liệu/lưu giữ hồ sơ • Các quy trình kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng kiểm kê cơ bản (QA/QC) • Xác định các cơ hội giảm phát thải, phân tích chi phí-lợi ích của các biện pháp giảm thiểu • Thực hiện và theo dõi các biện pháp giảm nhẹ • Xử lý các yêu cầu kiểm tra dữ liệu tiềm năng • v.v.	• Xác định phạm vi đầy đủ và liên tục của các quá trình và hoạt động phát thải KNK • Cải tiến liên tục các phương pháp đo lường dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải để có độ chính xác dữ liệu cao hơn, chẳng hạn như sử dụng hệ số phát thải dành riêng cho cơ sở • Đánh giá các quy trình bảo trì và bảo trì phòng ngừa hiện có cho các hệ thống đo lường chính đo lường dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải • Quy trình quản lý dữ liệu/lưu giữ hồ sơ nâng cao • Các quy trình QA/QC kiểm kê nâng cao, chẳng hạn như kiểm tra chéo dữ liệu định kỳ với khối lượng đầu vào/đầu ra, nhóm QC nội bộ, phát triển các giao thức dành riêng cho quy trình với nhân viên được chỉ định, các phương pháp tiếp cận và phương pháp đo lường thay thế trong trường hợp đo lường không thành công, thiếu dữ liệu • Thiết lập giá các-bon nội bộ để phát triển chiến lược đầu tư và chiến

Báo cáo sử dụng năng lượng định kỳ cho Chính phủ	Báo cáo kiểm kê KNK và kế hoạch giảm nhẹ phát thải KNK	Hoạt động thị trường ETS
<i>Hiện tại</i>	<i>Từ 2024</i>	<i>Từ 2025</i>
		lược khử các-bon dài hạn, hiểu biết về lộ trình khử các-bon của ngành • Theo dõi chính sách ETS • Quản lý trợ cấp ETS, bao gồm theo dõi giá giao ngay ETS và phân tích thị trường • Đăng ký hoạt động tài khoản • Xử lý việc xác minh bắt buộc bên ngoài về lượng phát thải khí nhà kính được báo cáo • v.v.

Nguồn: Chuyên gia tư vấn (2023)

Lý do thứ ba và cuối cùng là sự không chắc chắn chung về chính sách, quy tắc và yêu cầu của ETS hiện đang được Chính phủ xây dựng. Nếu không có sự rõ ràng về chính sách và nguyên tắc ETS, có thể dẫn đến một số công ty không hành động và khiến các công ty áp dụng cách tiếp cận “chờ xem” liên quan đến hướng dẫn và thông tin thêm từ Chính phủ.

5.2. Khuyến nghị và các bước tiếp theo cho dự án

Việc chuẩn bị ETS thành công tại Việt Nam sẽ đòi hỏi phải xây dựng năng lực vượt quá phạm vi của HTKT này. Trong bốn khía cạnh nghĩa vụ tuân thủ tổng thể trong tương lai của ETS, đó là (i) năng lực MRV, (ii) nhận thức về thị trường các-bon và chính sách ETS, (iii) các hoạt động giảm phát thải và (iv) chức năng thị trường ETS và vai trò của thực thể quản lý, phạm vi hiện tại của dự án này tập trung vào yếu tố (iv) và sự thành công của nó gắn liền với sự sẵn sàng của các công ty trong ba lĩnh vực còn lại.

Để nâng cao hoạt động xây dựng năng lực cho các công ty thuộc Nhiệm vụ 7, Tư vấn sẽ đề cập đến các chủ đề liên quan đến ba lĩnh vực nêu trên bên cạnh các bài tập mô phỏng ETS trong CarbonSim.

Kế hoạch hiện tại của Nhiệm vụ 7 là thực hiện các hoạt động đào tạo cho các cơ sở phát thải lớn trong ba đợt vào tháng 2 hoặc đầu tháng 3 và tháng 4 năm 2024. Dựa trên kết

quả khảo sát và kế hoạch xây dựng ETS trong tương lai được quy định trong Nghị định số 06/2022/NĐ-CP, ưu tiên được dành cho các cơ sở phát thải lớn trong các lĩnh vực công nghiệp vì họ sẽ đóng vai trò chính tham gia vào và được phân bổ hạn ngạch cho giai đoạn thí điểm cùng giai đoạn vận hành đầy đủ của ETS trong tương lai. Tuy nhiên, các cơ sở phát thải nhỏ hơn và các công ty không có vốn FDI được xem xét để mời bổ sung và để tăng tính thanh khoản trong ETS tương lai với sự tham gia của nhiều công ty hơn.

Đối với các hoạt động đào tạo năng lực trong tương lai thuộc HTKT này, Tư vấn khuyến nghị tập trung vào các chủ đề sau:

- Nguyên tắc và hoạt động của ETS
- Tuân thủ ETS và kinh nghiệm quốc tế về chiến lược tuân thủ của doanh nghiệp
- Pháp luật, quy định và chính sách liên quan đến ETS
- Chuẩn bị kiểm kê KNK - xác định các nguồn phát thải
- Các phương pháp định lượng phát thải KNK - xác định các phương pháp đo đạc dữ liệu hoạt động và hệ số phát thải, các phương pháp tiếp cận đối với các nguồn phát thải đáng kể và nhỏ
- Thực hành QC/QA - phát triển khuôn khổ chất lượng nội bộ
- Triển khai kiểm kê phát thải khí nhà kính - triển khai các biện pháp QC/QA và xử lý xác minh bên ngoài

Cuối cùng, duy trì sự quan tâm và động lực của các công ty và của các ngành phải được thực hiện liên tục chứ không phải chỉ diễn ra một lần. Các khoá đào tạo về các chủ đề được đề xuất ở trên nên được tổ chức trong khoảng thời gian 2024-2025 và sau đó để đảm bảo tính liên tục trong các nỗ lực xây dựng năng lực cho các công ty cho đến khi CTX chính thức đi vào hoạt động vào năm 2028.

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng câu hỏi khảo sát

KHẢO SÁT MỨC NHẬN THỨC, SỰ SẴN SÀNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NĂNG LỰC CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA HỆ THỐNG GIAO DỊCH HẠN NGẠCH PHÁT THẢI (ETS) TẠI VIỆT NAM			
Khảo sát này nhằm mục đích phát triển tài liệu đào tạo và lựa chọn các đối tượng tham gia và các khóa đào tạo về thị trường các-bon sử dụng công cụ mô phỏng ETS trong khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật (TA) "Đào tạo và Mô phỏng Hệ thống Giao dịch Hạn ngạch Phát thải (ETS) tại Việt Nam" do Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á (ETP) tài trợ và phối hợp với Cục Biến đổi Khí hậu (BĐKH) - Bộ Tài nguyên & Môi trường (TN&MT) <i>(Thông tin thu thập trong khảo sát này chỉ được sử dụng cho mục đích của TA và sẽ không chia sẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào)</i>			
Trong Hệ thống Giao dịch Hạn ngạch Phát thải (ETS), Chính phủ xác định mức trần lượng phát thải khí nhà kính (KNK) (gọi là hạn mức phát thải) được phép phát thải trong các lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế (phạm vi của ETS). Hạn ngạch phát thải được cấp hay bán (được phân bổ) cho các công ty nằm trong ETS, mỗi hạn ngạch tương ứng với một tấn các-bon dioxit tương đương (CO₂tđ). Khi kết thúc một khoảng thời gian được xác định (thường là một năm), mỗi công ty được phân bổ hạn ngạch phải giao nộp một số lượng hạn ngạch tương ứng với lượng phát thải của công ty đó. Trong một vài trường hợp, tín chỉ các-bon có thể được dùng để thay thế cho hạn ngạch với tỷ lệ phần trăm hạn chế. Các công ty có lượng phát thải ít hơn mức hạn ngạch được phân bổ mà họ nắm giữ có thể bán phần dư thừa cho các công ty khác trong hệ thống hoặc các công ty cũng có thể bán hạn ngạch với giá cao và mua với giá thấp. Do đó, các công ty có chi phí giảm phát thải thấp sẽ có động lực giảm thêm, trong khi những công ty có chi phí cao hơn có thể chọn cách tuân thủ bằng việc mua hạn ngạch từ thị trường. Các hoạt động trao đổi mua bán này tạo ra thị trường các-bon và giúp đạt được mục tiêu giảm phát thải đã đặt ra của Chính phủ.			
A THÔNG TIN ĐỊNH DANH			
A1	Tên công ty:		Mã số thuế:
A2	Địa chỉ:		

A3	Địa chỉ:																																						
A4	Email:																																						
A5	Ngành/phân ngành <i>(Chọn ngành và phân ngành mô tả đúng nhất về công ty của bạn)</i>																																						
	I Công nghiệp và Thương mại	II Giao thông vận tải	III Xây dựng	IV Tài nguyên và Môi trường																																			
	<table border="1"> <tr><td>1</td><td>Năng lượng</td></tr> <tr><td>2</td><td>Chế biến thực phẩm</td></tr> <tr><td>3</td><td>May mặc và Dệt may</td></tr> <tr><td>4</td><td>Sản xuất đồ điện tử</td></tr> <tr><td>5</td><td>Giày da</td></tr> <tr><td>6</td><td>Giấy và Bột giấy</td></tr> <tr><td>7</td><td>Hóa chất</td></tr> <tr><td>8</td><td>Khoáng sản</td></tr> </table>	1	Năng lượng	2	Chế biến thực phẩm	3	May mặc và Dệt may	4	Sản xuất đồ điện tử	5	Giày da	6	Giấy và Bột giấy	7	Hóa chất	8	Khoáng sản	<table border="1"> <tr><td>1</td><td>Vận tải đường bộ</td></tr> <tr><td>2</td><td>Hàng không</td></tr> <tr><td>3</td><td>Vận tải đường thủy</td></tr> <tr><td>4</td><td>Vận tải đường sắt</td></tr> </table>	1	Vận tải đường bộ	2	Hàng không	3	Vận tải đường thủy	4	Vận tải đường sắt	<table border="1"> <tr><td>1</td><td>Xi măng</td></tr> <tr><td>2</td><td>Các tòa nhà</td></tr> </table>	1	Xi măng	2	Các tòa nhà	<table border="1"> <tr><td>1</td><td>Chôn lấp rác</td></tr> <tr><td>2</td><td>Đốt rác</td></tr> <tr><td>3</td><td>Sản xuất phân hữu cơ, vi sinh</td></tr> </table>		1	Chôn lấp rác	2	Đốt rác	3	Sản xuất phân hữu cơ, vi sinh
1	Năng lượng																																						
2	Chế biến thực phẩm																																						
3	May mặc và Dệt may																																						
4	Sản xuất đồ điện tử																																						
5	Giày da																																						
6	Giấy và Bột giấy																																						
7	Hóa chất																																						
8	Khoáng sản																																						
1	Vận tải đường bộ																																						
2	Hàng không																																						
3	Vận tải đường thủy																																						
4	Vận tải đường sắt																																						
1	Xi măng																																						
2	Các tòa nhà																																						
1	Chôn lấp rác																																						
2	Đốt rác																																						
3	Sản xuất phân hữu cơ, vi sinh																																						

	9	Luyện kim (chỉ định các sản phẩm chính của bạn: sắt BF/DR, thép BOF/EAF, nhôm, v.v.)
	10	Sản xuất vật liệu xây dựng ngoài xi măng
	11	Nhựa và cao su
	12	Sản xuất đồ gỗ và đồ nội thất
	13	Cơ khí, chế tạo
	14	Sản xuất thủy tinh và gốm sứ
	15	Khác
A6	Công ty của bạn đã thực hiện kiểm kê KNK chưa?	
	1	Đã kiểm kê
	2	Chưa kiểm kê
A6.1	Nếu công ty bạn đã tiến hành kiểm kê KNK, công ty bạn tự thực hiện kiểm kê hay thuê bên thứ ba?	
	1	Chúng tôi tự mình thực hiện kiểm kê KNK
	2	Chúng tôi thuê bên thứ ba thực hiện kiểm kê KNK
A6.2	Nếu câu trả lời của bạn ở câu hỏi A6 là "Đã kiểm kê", vui lòng cho biết lượng phát thải KNK của công ty bạn trong đợt kiểm kê KNK gần đây nhất (tính bằng tCO ₂ tđ) là bao nhiêu?	
	...	
A6.3	Nếu câu trả lời của bạn ở câu hỏi A6 là "Chưa kiểm kê", vui lòng cho biết mức tiêu thụ năng lượng hàng năm của công ty bạn trong năm gần đây nhất (tính bằng TOE) là bao nhiêu?	

...

B MỨC NHẬN THỨC VỀ ETS VÀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

(*Phần này đánh giá mức độ hiểu biết của các công ty về việc xây dựng ETS và thị trường các-bon tại Việt Nam)

B1 Bạn có nghĩ rằng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu sẽ tác động tiêu cực đến doanh nghiệp của bạn không?

- | | |
|---|-------|
| 1 | Có |
| 2 | Không |

B2 Bạn có nghĩ rằng các công ty nên có trách nhiệm giảm lượng phát thải KNK của mình để giảm nhẹ biến đổi khí hậu không?

- | | |
|---|-------|
| 1 | Có |
| 2 | Không |

B3 Bạn có biết Việt Nam đang phát triển thị trường các-bon và sẽ thí điểm sàn giao dịch các-bon (CTX) vào năm 2025 và chính thức vận hành CTX vào năm 2028? (CTX là nền tảng vận hành những thị trường trao đổi hàng hóa môi trường giao ngay bao gồm hạn ngạch phát thải KNK và tín chỉ các-bon. CTX cho phép người mua và người bán trao đổi hạn ngạch phát thải KNK do Chính phủ ban hành cũng như tín chỉ các-bon để đền bù.)

- | | |
|---|---------------------------|
| 1 | Tôi đã biết về điều này |
| 2 | Tôi chưa biết về điều này |

B4 Bạn hiểu về ETS và thị trường các-bon ở mức độ nào?

- | | |
|---|---|
| 1 | Tôi không hiểu ETS và thị trường các-bon hoạt động như thế nào |
| 2 | Tôi đã nghe về ETS và thị trường các-bon nhưng tôi không biết những nguyên tắc cơ bản của chúng |

	3	Tôi biết một số nguyên tắc cơ bản của ETS và thị trường các-bon, nhưng sự hiểu biết của tôi về những khác biệt giữa chúng vẫn chưa rõ ràng
	4	Tôi hiểu cách thức hoạt động của ETS và thị trường các-bon cũng như sự khác biệt của chúng
	5	Tôi hiểu rõ cách thức hoạt động của ETS và thị trường các-bon, sự khác biệt, sự tương tác và vai trò của chúng trong CTX
B5	Các công cụ định giá các-bon như ETS là một cách hiệu quả để Chính phủ khuyến khích giảm phát thải KNK tại các doanh nghiệp. Với tư cách là một công ty, quan điểm của bạn về ETS là:	
	1	ETS là một thách thức đối với công ty chúng tôi
	2	ETS là cơ hội đối với công ty chúng tôi
	3	ETS là cơ hội cũng như thách thức đối với công ty chúng tôi
	4	Chúng tôi không đánh giá được gì về công cụ định giá các-bon này
B6	Nếu công ty của bạn phải tham gia vào ETS của Việt Nam trong tương lai, bạn nghĩ điều này sẽ tác động như thế nào đến công ty của bạn? (Chọn một hoặc nhiều câu trả lời)	
	1	Điều này có thể tác động tiêu cực đến lợi nhuận của công ty trong ngắn hạn thông qua giá các-bon
	2	Điều này có khả năng cải thiện hiệu suất phát thải của công ty trong dài hạn vì giá các-bon khuyến khích công ty khử các-bon và nâng cao hiệu quả các hoạt động và quy trình kinh doanh của công ty
	3	Điều này có thể làm tăng chi phí tuân thủ và trở thành gánh nặng cho doanh nghiệp khi phải chịu thêm trách nhiệm tuân thủ và báo cáo ETS.
	4	Điều này có thể giúp cải thiện khả năng cạnh tranh và danh tiếng chung của công ty trong dài hạn
	5	Không có bất kỳ tác động nào

	6	ít tác động
	7	Tác động vừa phải
	8	Tác động lớn
	9	Tác động đáng kể
	10	Không biết/không có nhận xét
B7	Việc biết chính xác lượng phát thải của các công ty là rất quan trọng để Chính phủ thiết lập và vận hành thành công ETS. Công ty của bạn có sẵn sàng cung cấp dữ liệu thực tế liên quan đến KNK để phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam không?	
	1	Có
	2	Không
B8	Công ty bạn có mong muốn tham gia vào ETS của Việt Nam trong tương lai không?	
	1	Có
	2	Không
C	MỨC ĐỘ SẴN SÀNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐỂ THAM GIA VÀO ETS VÀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON (*Phần này đánh giá sự chuẩn bị của công ty bạn trước khi tham gia vào ETS và thị trường các-bon trong tương lai của Việt Nam)	
C1	Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu sử dụng nhiên liệu nhằm tính toán mức tiêu thụ năng lượng của công ty chưa?	
	1	Chúng tôi đã có hệ thống thu thập tất cả dữ liệu sử dụng nhiên liệu và các dữ liệu liên quan
	2	Chúng tôi có thể thu thập một số dữ liệu liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu và lập kế hoạch bố trí nhân sự và thiết bị để thu thập tất cả dữ liệu liên quan đến KNK

	3	Chúng tôi có thể thu thập một số dữ liệu liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu, nhưng không phải tất cả
	4	Hiện tại chúng tôi không thể thu thập dữ liệu liên quan đến việc sử dụng nhiên liệu
C2	Công ty của bạn đã thiết lập một hệ thống (gồm con người và thiết bị) để thu thập dữ liệu nhằm tính toán lượng phát thải KNK chưa?	
	1	Chúng tôi đã có hệ thống thu thập tất cả dữ liệu liên quan đến phát thải khí nhà kính
	2	Chúng tôi có thể thu thập một số dữ liệu liên quan đến KNK và dự kiến sẽ có nhân sự và thiết bị để thu thập tất cả dữ liệu liên quan đến KNK
	3	Chúng tôi có thể thu thập một số dữ liệu liên quan đến KNK, nhưng không phải tất cả
	4	Hiện tại chúng tôi không thể thu thập dữ liệu liên quan đến GHG
C3	Công ty của bạn đã thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê phát thải KNK chưa?	
	1	Chúng tôi đã có hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê KNK.
	2	Chúng tôi đang thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê KNK.
	3	Chúng tôi đang lập kế hoạch/xem xét thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê KNK.
	4	Chúng tôi không có kế hoạch thiết lập hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu kiểm kê KNK.
C4	Công ty bạn đã thuê bên thứ ba để thẩm định báo cáo kiểm kê KNK của công ty chưa?	
	1	Báo cáo KNK của chúng tôi đã được bên thứ ba thẩm định

	2	Chúng tôi đang lên kế hoạch/xem xét việc thuê bên thứ ba thẩm định báo cáo KNK của mình
	3	Chúng tôi chưa có báo cáo KNK nào được bên thứ ba thẩm định
C5	Công ty của bạn đã công bố lượng phát thải KNK của mình cho công chúng hay trong các sáng kiến về ESG hoặc khí hậu (ví dụ: báo cáo phát triển bền vững) hoặc cho các hiệp hội ngành nghề (ví dụ: Hiệp hội Thép Thế giới) chưa?	
	1	Đã công bố
	2	Chúng tôi dự định làm điều đó
	3	Không có dự định công bố
C6	Công ty của bạn đã có kế hoạch giảm lượng phát thải KNK chưa?	
	1	Chúng tôi đã có kế hoạch giảm phát thải
	2	Chúng tôi sẽ/đang xây dựng một kế hoạch giảm phát thải KNK
	3	Chúng tôi chưa có
C7	Công ty của bạn đã áp dụng bất kỳ biện pháp nào về tiết kiệm/hiệu quả năng lượng sau đây vào hoạt động kinh doanh và vận hành không? (Chọn một hoặc nhiều câu trả lời và nêu rõ)	
	1	Hiệu quả năng lượng (kiểm toán năng lượng, thay thế thiết bị cũ, thiết bị EE, chiếu sáng EE, tòa nhà EE, cải tiến quy trình sản xuất)
	2	Năng lượng tái tạo (tấm pin mặt trời/nhà cung cấp năng lượng sạch/lưới điện nhỏ)
	3	Hiệu quả tài nguyên (giảm nguyên liệu thô, giảm sử dụng nước, sử dụng nhiệt thải/nước thải/chất thải rắn thải)

	4	Giao thông vận tải phát thải các-bon thấp (xe điện, nhiên liệu sinh học)
	5	Hệ thống giám sát, thực hiện và quản lý năng lượng
	6	Chúng tôi không có bất kỳ biện pháp nào nêu trên
	7	Biện pháp khác (vui lòng cho biết biện pháp đó là):
C8	Hiệu quả năng lượng (kiểm toán năng lượng, thay thế thiết bị cũ, thiết bị EE, chiếu sáng EE, tòa nhà EE, cải tiến quy trình sản xuất)	
	1	Đã có
	2	Chưa
C9	Công ty của bạn có tham gia vào bất kỳ chương trình tín chỉ các-bon nào không (ví dụ: Cơ chế phát triển sạch, Cơ chế tín chỉ chung, Tiêu chuẩn vàng, Tiêu chuẩn các-bon đã được thẩm tra, Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế, v.v.) và/hoặc các sáng kiến giảm nhẹ khí nhà kính (ví dụ NAMA, đô thị các-bon thấp, v.v.)?	
	1	Có
	2	Không
D	NHU CẦU ĐÀO TẠO NĂNG LỰC ĐỂ THAM GIA ETS VÀ THỊ TRƯỜNG CÁC-BON (*Phần này thu thập thông tin về hỗ trợ cần thiết để tham gia vào ETS và thị trường các-bon)	
D1	Lĩnh vực nào công ty của bạn cần hỗ trợ về mặt kiến thức cũng như sự chuẩn bị về ETS và thị trường các-bon. Hãy chọn lĩnh vực có nhu cầu đào tạo năng lực dưới đây?	
	1	Đào tạo năng lực để hiểu cách thức hoạt động của ETS
	2	Đào tạo năng lực để hiểu về hoạt động giao dịch tín chỉ các-bon quốc tế

	3	Đào tạo năng lực để hiểu các văn bản pháp luật, quy định và chính sách liên quan đến ETS
	4	Đào tạo năng lực để đưa ra đánh giá về kết quả của việc áp dụng ETS và đưa ra quyết định kinh doanh dựa trên những đánh giá này, chẳng hạn như tính giá các-bon vào các quyết định kinh doanh, phát triển chiến lược đầu tư giảm phát thải và khử cac-bon.
	5	Đào tạo năng lực để hiểu và thiết lập hệ thống MRV, hệ thống M&R hoặc hệ thống quản lý chất lượng dữ liệu cho công ty của bạn
	6	Đào tạo năng lực để phát triển các quy trình và kiến thức chuyên môn mới để quản lý tài khoản đăng ký, mua bán trao đổi hạn ngạch, quản lý các vấn đề liên quan đến kế toán và thuế của nghĩa vụ ETS.
D2 Công ty của bạn mong muốn có bất kỳ nhu cầu CB cụ thể nào khác để tham gia ETS không? (Ghi rõ bên dưới)?		
...		
D3	Chúng tôi đang có kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo về ETS và thị trường các-bon, dự kiến vào tháng 3 và tháng 4 năm 2024 tại Hà Nội và TP.HCM, các khóa học này là miễn phí. Công ty bạn có muốn tham gia các khóa đào tạo không?	
	1	Có
	2	Không
D4	Nếu câu trả lời của bạn ở câu hỏi D3 là Có thì có bao nhiêu học viên nữ sẽ được cử tham gia các khóa đào tạo? (ghi rõ con số bên dưới)	
...		
E	THÔNG TIN VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI BẮN KHẢO SÁT CÂU HỎI NÀY (*Người trả lời không nhất thiết phải là chủ doanh nghiệp)	
E1	Tên của người trả lời	

E2	Chức vụ:	
E3	Số điện thoại:	
E4	Email:	

Phụ lục 2: Danh sách doanh nghiệp đăng ký tham gia khóa đào tạo

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
1	CÔNG TY TNHH THÉP KOS VIETNAM	Đường số 3 KCN 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.	Thấp	Thấp	Rất thấp
2	Công ty TNHH Nestle Việt Nam	Lot P-1A Khu công nghiệp TLIP II, Mỹ Hào, Hưng Yên	Cao	Thấp	Thấp
3	Công ty CP Tập đoàn Mavin	hị tứ Bô Thới, Xã Hồng Tiến, Huyện Khoái Châu , Tỉnh Hưng Yên	Bình thường	Thấp	Thấp
4	Bitexco Power Corporation	Tầng 3, The Manor Tower, Đường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Cao	Bình thường	Thấp
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh VinFast	Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, đảo Cát Hải, Thị trấn Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp
6	Công ty cổ phần Vinpearl	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Bình thường	Bình thường	Thấp
7	Công ty cổ phần Vincom Retail	Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
		Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			
8	Frieslandcampina Việt Nam	Khu phố Bình Đức 1 - Phường Bình Hòa - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương	Cao	Thấp	Bình thường
9	Công Ty TNHH Techbond Mfg (Việt Nam)	Số 18 đường số 23, KCN VSIP II-A, P. Vĩnh Tân, TP. Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Thấp	Thấp	Rất thấp
10	Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	Lô 10, đường số 8, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp
11	Công ty TNHH Perstima Việt Nam	Số 15, đường số 6 KCN Việt Nam - Singapore, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Cao	Bình thường	Thấp
12	Công ty TNHH Saitex International Đồng Nai (VN)	Lô 225, Khu Công Nghiệp Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Bình thường	Thấp	Thấp
13	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Austdoor	Số 37, Đường Lê Văn Thiêm, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
14	Công ty TNHH Điện lực AES Mông Dương	Phường Mông Dương, Tp Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Bình thường	Cao	Thấp
15	Công ty cổ phần xi măng FICO Tây Ninh	Lầu 26, Etown central, 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, quận 4	Thấp	Cao	Thấp
16	Công ty CP Hanotech Việt Nam	KCN Thuận Thành II - Thuận Thành - Bắc Ninh	Cao	Thấp	Thấp
17	Công ty TNHH Việt Nam Paiho	Lô 30-32-34, Đường số 3, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Thấp	Thấp	Thấp
18	Panasonic System Networks Việt Nam	Lô J1/2 Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội	Thấp	Thấp	Thấp
19	Công ty cổ phần đầu tư thương mại xây dựng Việt Pháp	So 12 Lê hồng phong, hải an, hải phòng	Cao	Thấp	Rất thấp
20	Công Ty Cổ Phần Chăn nuôi C.P.Việt Nam CN Xuân Mai - Hà Nội	Xuân Mai- Chương Mỹ - Hà Nội	Bình thường	Thấp	Thấp
21	Công ty TNHH Công nghiệp Strongway Vĩnh Phúc	Lô 24, CN9, KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Thấp	Thấp	Rất thấp
22	Cty TNHH Phương Hoàng Xanh	LHP, P2, Q10, TP. Hồ Chí Minh	Cao	Bình thường	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
23	Công ty TNHH Thuộc Da Sài Gòn Tante	Lô M2, M3, đường số 5, khu công nghiệp Việt Hương 2, Xã An Tây, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Rất thấp
24	Công ty Cổ phần Dệt-May Nha trang	Km1447 Quốc lộ 1A Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha trang, Tỉnh Khánh hòa.	Thấp	Thấp	Thấp
25	MM Mega Market Việt Nam	TP, Khu B, Khu đô thị mới, Khu đô thị An Phú An Khánh, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Bình thường	Thấp	Thấp
26	Công ty TNHH Partron Vina	Lô 11, KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Thấp	Thấp	Thấp
27	Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Chi nhánh sản xuất kinh doanh thức ăn thủy sản	Lô A21 đến A35, KCN An Hiệp, xã An Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp
28	Công ty Cổ phần DAP-Vinachem	Lô N5.8 khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Thấp	Thấp	Thấp
29	Công ty TNHH SX & TM Thép Tây Nam	CCN Thiên Lộc Thành, Ấp 4, Xã Long Sơn, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An	Thấp	Bình thường	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
30	Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre	Lô AIII, Khu Công Nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Thấp	Thấp	Thấp
31	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	58 Yersin, phường Phương Sài, Nha Trang	Thấp	Thấp	Rất thấp
32	Công ty TNHH Sản Xuất First Solar Việt Nam	Lô A1 & A2 đường D10, KCN Đông Nam, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	Bình thường	Cao	Bình thường
33	Công ty cổ phần Euroha	Đường B1, Khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Trưng trác, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Cao	Thấp	Thấp
34	Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ Phần Vinpearl	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Bình thường	Thấp	Thấp
35	Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam	D10/89Q, Quốc Lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Thấp	Thấp	Thấp
36	Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel	Đường DT 743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Bình thường	Bình thường	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
37	Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thấp	Cao	Thấp
38	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Quang Hanh - TKV	302 Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Bình thường	Thấp	Thấp
39	Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên	Tổ dân phố Thượng, phường Thuận Thành, TP Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Bình thường	Thấp	Thấp
40	Công ty TNHH Canon Việt Nam	Lô A1, KCN Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp
41	Công ty Cổ phần sản xuất thép Vina One	Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Rất thấp
42	Công ty TNHH XDD Textile	Số 1a, Đường Số 6a, KCN VSIP Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	Thấp	Thấp	Thấp
43	Công ty TNHH Hoá Chất AGC Việt Nam	KCN Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Cao	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
44	Công ty TNHH DAEMYUNG Chemical Việt Nam	Đường số 5, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Thấp	Thấp	Thấp
45	Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao	Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Bình thường	Cao	Thấp
46	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Nam Mẫu -TKV	Số 1A, đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
47	Công ty CP Thành Thành Công-Biên Hòa	Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	Cao	Thấp	Thấp
48	Công ty cổ phần Thép Á Châu	Lô B6 - KCN Hiệp Phước - X.Hiệp Phước - H.Nhà Bè - TPHCM	Cao	Bình thường	Thấp
49	Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Bình thường	Cao	Rất thấp
50	Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	Thấp	Cao	Bình thường
51	Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị	Khu công nghiệp quán ngang Xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
52	Công ty CP Sữa Việt Nam	Tòa nhà Vinamilk số 10 Tân Trào P.Tân Phú Q.7 TP.HCM	Thấp	Thấp	Bình thường
53	Công ty TNHH Kraft of Asia Paperboard and Packaging	Đường D2, Lô B7, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Thấp	Bình thường	Thấp
54	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Thấp	Cao	Thấp
55	Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	Khu Hợp thành, phường Phương Nam, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Cao	Thấp
56	Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ	B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP. HCM, Việt nam	Cao	Thấp	Thấp
57	Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam	Khu công nghiệp Hưng Phú 1, Tân Phú, Cái Răng, Cần Thơ	Bình thường	Thấp	Thấp
58	CN Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí – Công ty CP – Nhà máy Đạm Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	Bình thường	Cao	Rất thấp
59	Công ty TNHH Sản Xuất Biel Crystal Việt Nam	Số 98, đường Hữu Nghị, Khu công nghiệp đô thị và dịch vụ	Thấp	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
		Vsip Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh			
60	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	Tổ 48, Khu 4B2, Phường Cửa Ông, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh	Thấp	Bình thường	Rất thấp
61	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Ngân Long	Khu công nghiệp Hải Yên, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bình thường	Thấp	Thấp
62	Công ty CP Cán Thép Thái Trung	Tổ 13, phường Cam Giá, thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Cao	Thấp	Thấp
63	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Lô C25 - KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	Bình thường	Bình thường	Thấp
64	Core5 Hai Phong 1	Lot CN2A, Nam Dinh Vu Industrial Park (zone 2), Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city	Cao	Thấp	Thấp
65	Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai	Khối 7, phường Quỳnh Thiện, TX Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Bình thường	Cao	Thấp
66	Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành- Nhà máy xử lý rác thải tập trung thị xã Thuận	Cửu Yên, Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
	Thành(Nhà máy Ngũ Thái)				
67	Công Ty TNHH POSCO VST	319b, Kcn Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch ,Tỉnh Đồng Nai	Thấp	Cao	Thấp
68	Công ty TNHH Hóa Dầu Long Sơn	Thôn 2, xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu, Tỉnh BTVT	Thấp	Thấp	Thấp
69	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và công nghiệp 11 - Urenco11	Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Thấp	Cao	Rất thấp
70	Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Cao	Thấp	Thấp
71	Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp nhựa Phú Lâm	Lô 109, KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Thấp	Thấp	Rất thấp
72	Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau	Cụm Công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Thấp	Thấp	Thấp
73	Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM	Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
74	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	KCN Mỹ Xuân A, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Cao	Bình thường	Thấp
75	Công ty Cổ phần gạch men V.T.V	KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Đồng Nai	Bình thường	Bình thường	Rất thấp
76	Công ty TNHH Mei Sheng Textiles Việt Nam	Cụm CN Ngãi Giao, TT Ngãi Giao, Huyện Châu Đức, tỉnh BRVT	Thấp	Thấp	Thấp
77	Công Ty TNHH May Mặc Alliance One	Lô B1, B2, B5 - B12, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Bình thường	Thấp	Thấp
78	Công Ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper	Khu số 4, Khu CN Protrade, An Tây, Bến Cát, Bình Dương	Cao	Bình thường	Thấp
79	Công ty Cổ phần Coasia CM Vina	Khu công nghiệp Lương Sơn, km 36, QL 6, Xã Hòa Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp
80	Công ty TNHH MPT Solution (Việt Nam)	Lô G1-3-4-6-8 khu công nghiệp Quế Võ - Phường Vân Dương - Thành phố Bắc Ninh - Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Thấp
81	Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam	Đường D1, KCN Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
82	Công ty TNHH Mabuchi Motor Việt Nam	Số 2, Đường 5A, KCN BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI	Thấp	Thấp	Thấp
83	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Bình thường	Thấp	Thấp
84	Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý dịch vụ Đô thị ECOPARK	Văn phòng điều hành, Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
85	Công ty TNHH RITEK Viet Nam	Lô 213, đường Amata, KCN Amata, phường Long Bình Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Thấp	Thấp	Rất thấp
86	Công ty TNHH Diamond Việt Nam	Bình Dương	Bình thường	Thấp	Thấp
87	CN công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	TT Như Quỳnh, H. Văn Lâm, Hưng Yên	Thấp	Thấp	Rất thấp
88	Công ty TNHH Công nghiệp Chanco	Lô C, Đường số 3, Khu công nghiệp Anh Hồng, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Thấp	Thấp	Thấp
89	Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
90	Công ty TNHH Công Nghiệp Dệt Hüge-Bamboo	Lô H-2-CN, lô H-1B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, T.X Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt	Thấp	Thấp	Thấp
91	Công ty TNHH Việt Nam Samho	1243 Tỉnh lộ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, TPHCM	Cao	Thấp	Thấp
92	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Thôn Đoan - Tam Hưng - Thủy Nguyên - Hải Phòng	Bình thường	Cao	Thấp
93	Công ty TNHH Shiseido Việt Nam	Lô 231 - 237, Đường Amata, KCN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai	Bình thường	Thấp	Thấp
94	Công ty cổ phần dịch vụ năng lượng Thành Công	Lô DN khu công nghiệp Giao Long huyện Châu Thành Bến Tre	Thấp	Cao	Rất thấp
95	Công Ty Cổ Phần Nha Trang Seafoods - F.89	Số 97, Quốc lộ 1A, Khóm 1, Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Thấp	Thấp	Rất thấp
96	Công ty thủy điện Sơn La	Số 56 đường Lò Văn Giá, tổ 03, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Thấp	Bình thường	Rất thấp
97	Công ty TNHH Công Nghiệp thực phẩm LINAWAY Sài Gòn	Số 18, đường số 6, KCN VSIP, phường Bình Hoà, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Thấp	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
98	Công ty TNHH Wonjin Vina	Lô CN 16, KCN Vân Trung, Vệt Yên, Bắc Giang	Thấp	Thấp	Thấp
99	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Lô Đ7, khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Bình thường	Cao	Thấp
100	Công ty TNHH Nước tinh khiết Núi Tiên	Xóm Sơn Nam, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An	Thấp	Thấp	Thấp
101	Công ty TNHH Ansell Vina	Đường số 7 KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Bình thường	Thấp	Thấp
102	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	722 Điện Biên Phủ- Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh	Bình thường	Thấp	Thấp
103	Công Ty Cổ Phần Bao Bì Tín Thành	Lô C20, Cụm CN Nhựa Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Bình thường	Thấp	Thấp
104	Công ty TNHH Môi trường Đô thị Hùng Phát	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Thấp	Cao	Rất thấp
105	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	Số 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
106	Công ty TNHH JX Nippon Oil & Energy Việt Nam	Khu đất CN5.3G, KCN Đình Vũ, Thuộc Khu Kinh Tế Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận	Thấp	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
		Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam			
107	Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Thôn Đồng Sài xã Phù Lãng Thị xã Quế Võ Tỉnh Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
108	Công ty TNHH TKG Taekang Cần Thơ	KCN Hưng Phú 2B, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Thấp	Thấp	Thấp
109	Công ty TNHH Chyang Sheng Việt Nam	150/3 khu phố 2, phường An Phú, Thuận An, Bình Dương	Cao	Thấp	Thấp
110	Công ty TNHH Polytex Far Eastern (Việt Nam)	Lô B_5B_CN, đường DC, KCN Bàu Bàng, Thị trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Thấp	Bình thường	Thấp
111	Công ty TNHH Vina Union	Lô A9, KCN Bá Thiện II, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
112	Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	Đường số 4, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Biên Hòa, Đồng Nai	Thấp	Thấp	Thấp
113	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ Bản Miền Nam	22, Lý Tự Trọng, P Bến Nghé, Quận 1, TpHCM	Cao	Bình thường	Thấp
114	Công ty TNHH NS Bluescope Việt Nam	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
		Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam			
115	Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Số 603, đường Lê Thanh Nghị, phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
116	Công ty than Khánh hòa-VVMI	Xã Sơn Cẩm Tp thái nguyên tỉnh Thái Nguyên	Thấp	Thấp	Thấp
117	Công ty Cổ phần Prime Đại Lộc	CCN Đại Quang, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	Thấp	Bình thường	Thấp
118	Công ty TNHH thép Tung Ho Việt Nam	KCN Phú Mỹ II, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thấp	Cao	Rất thấp
119	Công ty TNHH Cự Hùng II	Khu Phố Mỹ Hiệp, Phường Thái Hòa, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Thấp	Thấp	Rất thấp
120	Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam	Số 9, Đường Đông Tây, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Vsip Hải Phòng, Xã Dương Quan, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	Cao	Thấp	Thấp
121	Công ty TNHH Golden Victory Việt Nam	Thôn Đông Kỳ, Nghĩa Minh, Nghĩa Hưng, Nam Định	Thấp	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
122	Công ty Cổ Phần Thép Nam Kim	Lô A1, đường Đ2, KCN Đồng An 2, P. Hòa Phú, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Thấp	Bình thường	Rất thấp
123	Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế Vũng Áng, Phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	Bình thường	Cao	Bình thường
124	Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam	781 Phan Chu Trinh, phường Hòa Hương, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Thấp	Bình thường	Rất thấp
125	Công ty TNHH Linh kiện điện tử SEI (Việt Nam)	Lô C6, KCN Thăng Long, huyện Đông Anh, tp Hà Nội	Thấp	Thấp	Rất thấp
126	Công ty TNHH JP Corelex Việt Nam	Đường B1, Khu B, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên	Bình thường	Thấp	Thấp
127	Tổng Công Ty Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
128	Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	KCN Yên Phong, xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	Thấp	Bình thường	Thấp
129	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang	Bình thường	Cao	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
130	Công ty TNHH giày Annora Việt Nam	Khu kinh tế Nghi sơn- phường Xuân lâm- Thị xã Nghi sơn- tỉnh Thanh hoá	Bình thường	Thấp	Thấp
131	Công ty TNHH Linde Việt Nam	Đường D3, KCN Phú Mỹ 2, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Thấp	Thấp	Rất thấp
132	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Lô B2, đường D3, KCN Phú Mỹ II mở rộng, P. Tân Phước, TX Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bình thường	Bình thường	Rất thấp
133	Công ty TNHH Dệt Pacific Crystal	KCN Lai Vu, xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Bình thường	Bình thường	Rất thấp
134	Công ty cổ phần Gạch men Anh Em DIC	Khu công nghiệp Bắc Chu Lai,Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
135	Công ty Cổ phần LIWAY Việt Nam	Số 14, đường số 5, KCN Việt Nam- Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, Bình Dương	Thấp	Thấp	Rất thấp
136	Công ty TNHH SWCC Showa Việt Nam	Lô B8, KCN Thăng Long - Huyện Đông Anh - Hà Nội	Thấp	Thấp	Thấp
137	Chi Nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên - Nhà máy Xi măng Bình Phước	ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Cao	Cao	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
138	Công ty TNHH Funing Precision	Lô B, KCN Quế Võ phường Nam Sơn thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh Việt Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
139	Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	KLH Gang thép Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn, phường Hải Thượng, tx Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Bình thường	Cao	Thấp
140	Công TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.	Cao	Cao	Thấp
141	Công ty cổ phần than Cao Sơn - TKV	Tổ 1 khu Cao Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Cao	Bình thường	Thấp
142	Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, TP. HCM	Thấp	Thấp	Thấp
143	Công Ty TNHH MTV Công Nghiệp Masan	Lô 6, KCN Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, TP Dĩ An, Bình Dương	Cao	Thấp	Thấp
144	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Thấp	Cao	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
145	Công ty than Mạo Khê - TKV	Khu Dân Chủ, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
146	Công ty TNHH Siam City Cement	Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cao	Cao	Thấp
147	Công ty Cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Xóm 5, xã Trảng Đà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Cao	Cao	Rất thấp
148	Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Nam (STAPIMEX)	220 Quốc lộ 1, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Thấp	Thấp	Rất thấp
149	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Số 362, đường Cách Mạng tháng 10, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Bình thường	Thấp	Thấp
150	Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội	Số 44 Đường Yên Phụ, Ba Đình, TP Hà Nội	Bình thường	Thấp	Rất thấp
151	Công ty Cổ phần Môi trường Việt Xuân Mới	Xóm 2, xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Bình thường	Thấp	Rất thấp
152	Công ty Ajinomoto Việt Nam	KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Cao	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
153	Công Ty TNHH Can Sports Việt Nam	Ấp Thuận Hòa, Xã Truong Mít, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh	Thấp	Thấp	Thấp
154	Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	298 Hồ Học Lãm, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bình thường	Bình thường	Thấp
155	Công ty Cổ phần Công nghiệp Chính xác Việt Nam	Lô E-0, Đường số 6, Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
156	Công ty CPHH Vedan Việt Nam	Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cao	Bình thường	Thấp
157	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng	Thấp	Cao	Thấp
158	Công ty TNHH Vật liệu Nam châm Shin-Etsu Việt Nam	Lô CN5.2D, Khu hóa chất và hóa dầu, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Cao	Thấp	Thấp
159	Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	Lô D6, Khu công nghiệp Tam Thăng, Xã Bình Nam, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
160	Công ty TNHH MTV Panko Tam Thăng	Lô số 01, KCN Tam Thăng, xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Thấp	Thấp	Thấp
161	Công ty TNHH MTV Vina Paper	Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Cao	Thấp	Thấp
162	Công ty Cổ phần tập đoàn thép Nguyễn Minh	Lô D1-9 đến D1-22 KCN Vĩnh Lộc 2, đường VL2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Thấp	Thấp	Thấp
163	Công ty TNHH Calofic	Khu vực Cảng Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Thấp
164	Công ty Cổ phần Tong Hong Tannery Việt Nam	Lô II-1, KCN Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thấp	Thấp	Thấp
165	Công ty Cổ phần Bia Nước Giải Khát Sài Gòn Tây Đô	Lô 22 Khu Công nghiệp Trà Nóc 1 Quận Bình Thủy TP Cần Thơ	Bình thường	Thấp	Rất thấp
166	Công ty TNHH Viettel CHT	Khu TT, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
167	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Đường E1, khu E, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Thấp	Cao	Thấp
168	Công Ty Cổ Phần Chăn Nuôi C.P. Việt Nam - Chi Nhánh Sản Xuất Kinh Doanh Thức Ăn Thủy Sản	Lô số 16A3 KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.	Bình thường	Thấp	Thấp
169	Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Khu CN Phú Mỹ 1, Phường Phú, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR -VT	Bình thường	Cao	Rất thấp
170	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Goertek Vina	Lô N-1, Khu công nghiệp Quế Võ (khu mở rộng), Phường Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Thấp
171	Công ty Cổ Phần Đại Đồng Tiến	216 Tân Thành, Phường 12, Quận 5, TP. HCM	Thấp	Thấp	Rất thấp
172	Công ty TNHH Đông Phương Đồng Nai Việt Nam	KCN Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Cao	Thấp	Thấp
173	Công ty TNHH Giày Dona Standard Việt Nam	Kcn Xuân Lộc - Xuân Tâm - Xuân Lộc - Đồng Nai	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
174	Công ty TNHH Dona Pacific Việt Nam	KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp
175	Công ty TNHH Năng Lượng Xanh DEEP C (Việt Nam)	Tầng 4, tòa nhà văn phòng Harbour View, Số 12 Trần Phú, P. Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	Bình thường	Cao	Thấp
176	Công ty TNHH MTV sản xuất ô tô THACO Mazda	Khu công nghiệp Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	Thấp	Thấp	Rất thấp
177	Công ty TNHH sản xuất lốp xe Bridgestone Việt Nam	Lô CN 4.1 Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Thấp	Thấp	Thấp
178	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, p 1, Tp. Cà Mau	Bình thường	Bình thường	Rất thấp
179	Công ty TNHH Xử lý Chất thải Việt Nam/ Vietnam Waste Solutions	Liên ấp 1-2, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Thấp	Thấp	Thấp
180	Chi nhánh Công ty CP Acecook Việt Nam tại Hưng Yên	Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên	Thấp	Thấp	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
181	Công ty cổ phần xi măng Sông Gianh	Thôn Cương Trung C, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.	Cao	Cao	Thấp
182	Công ty TNHH Giày Đồng Nai Việt Vinh	KCN Sông Mây Xã Bắc Sơn Huyện Trảng Bom Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cao	Thấp	Thấp
183	Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa- Chi nhánh Tổng công ty Khánh Việt	Cụm công nghiệp Trảng é1 , Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa	Bình thường	Thấp	Thấp
184	Công ty TNHH GSK Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	Lô 6- KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa- Huyện Chương Mỹ- TP Hà Nội	Bình thường	Thấp	Thấp
185	Công ty TNHH BHFLEX Vina	KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Thấp	Thấp	Rất thấp
186	Công ty TNHH Giày Athena Việt Nam	Thôn Đông Đoài xã Yên Lâm huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình	Thấp	Thấp	Rất thấp
187	Công ty TNHH Olympus Việt Nam	Đường số 8, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Đồng Nai	Thấp	Thấp	Thấp
188	Công ty TNHH Nhựa Tân Lập Thành	19 Triệu Quang Phục, P10, Q5, TP.HCM	Bình thường	Thấp	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
189	Công Ty TNHH Wattens Việt Nam	Số Đường Dân Chủ, KCN VSIPII, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Bình thường	Thấp	Thấp
190	Công ty TNHH TOTO Việt Nam - CN Hưng Yên	Lô đất M7, M8, N3, RE8 - KCN Thăng Long II - Mỹ Hào - Hưng Yên	Bình thường	Thấp	Thấp
191	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2	Số 28 Đường Thanh Niên, , Hanoi Lake View Building, Quận Tây Hồ, Hà Nội	Thấp	Cao	Thấp
192	Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	208 Đại lộ Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Thấp	Cao	Thấp
193	Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam	Tầng 11 số 109 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q Hoàn Kiếm, Hà Nội	Thấp	Thấp	Thấp
194	Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin	Phường cảm phú, tp cảm phá, tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
195	Chi nhánh công ty Thiên Thai (tnhh)	Kp. Bình Chánh, p. Khánh Bình, Tân Uyên, Bình Dương	Bình thường	Bình thường	Rất thấp
196	Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	Lô 01CN~08CN Khu Công Nghiệp Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Thấp	Cao	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
197	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Xóm Hải Phong, xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Bình thường	Cao	Thấp
198	Công ty Cổ phần Vitaly	Đường N1 Khu SXTT Bình Chuẩn, Bình Chuẩn, Thuận An , Bình Dương	Thấp	Thấp	Rất thấp
199	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Quy Nhơn - Bình Định	Thấp	Thấp	Thấp
200	Nhiệt điện An Khánh	Tổ 22, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Thấp	Cao	Rất thấp
201	Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	Số 052 phố Kim đồng, phường Hợp giang, thành phố Cao Bằng tỉnh Cao Bằng	Thấp	Cao	Thấp
202	Công ty TNHH MTV C&T Vina	LÔ G3-2, G4-2, G5, G6, K4-2, K5, K6, J3, J4, J5, J6 KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã chợ thành, Tỉnh Bình Phước	Bình thường	Thấp	Rất thấp
203	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	Bình thường	Cao	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
204	Công ty TNHH Dreamtech Việt Nam	Số 100, đường Hữu Nghị, Vsip Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp
205	Công ty TNHH Intel Products Việt Nam	Lô I2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao TPHCM, Phường Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Thấp	Thấp	Bình thường
206	Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm	Thôn Cổ Xuân, xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế	Thấp	Cao	Rất thấp
207	Công ty than Uông Bí - TKV	Tổ 17, khu 3, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Bình thường	Thấp	Thấp
208	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Thấp	Cao	Rất thấp
209	Công ty TNHH Mobase Việt Nam	KCN Yên Phong - Long Châu - Bắc Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
210	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam 2	km62, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Bình thường	Cao	Thấp
211	Công ty Nhiệt điện Uông Bí	Khu 6, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh	Bình thường	Cao	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
212	Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	Số 215 phố Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Bình thường	Thấp	Thấp
213	–Công ty cổ phần vật tư _TKV	Tổ 1, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Thấp
214	–Công ty Than Na Dương_VVMI	Khu 4, Thị trấn Na Dương, Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn	Thấp	Thấp	Rất thấp
215	Công ty Cổ phần Hà Lâm - Vinacomin	Số 1, Phố Tân Lập, phường Hà Lâm, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	Thấp	Bình thường	Thấp
216	Công ty Cổ phần 397	Khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Thấp	Thấp	Rất thấp
217	Công ty cổ phần kim loại màu Thái Nguyên	tổ dân phố 3, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên , tỉnh Thái Nguyên	Thấp	Bình thường	Rất thấp
218	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bích Chi	45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, T.P Sa Đéc, Đồng Tháp	Thấp	Thấp	Rất thấp
219	Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên_Nhà máy Xi măng Kiên Lương	Quốc lộ 80, Khu phố Lò Bơm, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	Thấp	Cao	Thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
220	Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV	TDP Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, Bắc Giang	Thấp	Cao	Rất thấp
221	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Cao	Cao	Thấp
222	Nhà máy Luyện Phôi Thép - Công ty Cổ phần Thép Ponina	Đường số 9, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu	Thấp	Cao	Rất thấp
223	Công ty Honda Việt Nam và Công ty Honda Việt Nam Chi nhánh Hà Nam	Phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc; KCN Đồng Văn II, thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	Cao	Thấp	Bình thường
224	Công ty TNHH Vĩnh Tân 1	Nhà máy nhiệt điện BOT Vĩnh Tân 1, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Thấp	Cao	Thấp
225	Công ty TNHH Dương Thành Phong	Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bình thường	Thấp	Thấp
226	Công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam	Khu công nghiệp cầu Ngàn, Thị trấn An Bài, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình	Thấp	Cao	Rất thấp

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Hứng thú	Ảnh hưởng	Sẵn sàng tham gia ETS
227	Công ty Cổ phần Phot pho vàng Lào Cai	Khu Công nghiệp Tăng Loỏng, Thị Trấn Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	Thấp	Thấp	Rất thấp